

Số: **46** /TB-HĐQT

Ngày 18 tháng 4 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Tên công ty: **Công ty cổ phần xi măng La Hiến VVMI**

Mã chứng khoán: CLH

Trụ sở chính: Xóm Cây Bòng, xã La Hiến, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại: 0208 3829154 Fax: 0208 3829056

Địa chỉ Website: ximanglahien.com.vn

Loại công bố thông tin: ☐ Định kỳ ☒ Bất thường ☐ Yêu cầu ☐ Khác

II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN:

1. Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025.

(có Nghị quyết chi tiết kèm theo)

2. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025.

(có Biên bản họp chi tiết kèm theo)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng tải Website Cty;
- Lưu HĐQT;VT.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
GIÁM ĐỐC**



Trần Quang Khải

Số: 29 /NQ-ĐHĐCĐ

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI, ban hành theo quyết định số 16/QĐ-HĐQT ngày 26/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI, ngày 17 tháng 4 năm 2025 dưới sự Chủ tọa của Ông Vũ Minh Tân - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

Tham dự Đại hội có 31 vị Cổ đông của Công ty, sở hữu và đại diện cho cho 9.082.870 cổ phần, bằng 75,69 % số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Với tinh thần làm việc khẩn trương và trách nhiệm, Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI đã tập trung giải quyết từng nội dung trong chương trình nghị sự của Đại hội và thống nhất Quyết nghị như sau.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI nhất trí thông qua:

1. Báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 với một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2024	Thực hiện năm 2024	TH/KH (%)
1	2	3	4	5	6=5/4*100
A	Chỉ tiêu hiện vật				
I	Sản lượng sản xuất	Tấn	670.000	659.476,47	98,43

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2024	Thực hiện năm 2024	TH/KH (%)
1	Xi măng	"	650.000	644.924,11	99,22
2	Clinker thương phẩm	"	20.000	14.552,36	72,76
II	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	670.000	659.476,47	98,43
-	Xi măng	"	650.000	644.924,11	99,22
-	Clinker thương phẩm	"	20.000	14.552,36	72,76
B	Doanh thu, thu nhập khác	Tr.đ	680.631,66	666.046,34	97,86
-	Xi măng	"	661.359,17	649.098,63	98,15
-	Clinker thương phẩm	"	13.272,73	9.705,50	73,12
-	Doanh thu khác, doanh thu tài chính, thu nhập khác	"	5.999,76	7.242,21	120,71
C	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	40.000	48.504,79	121,26
D	Cổ tức	%	15	23	153,33
E	Nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đ	33.523	36.025	107,46
F	Lao động và thu nhập				
1	Lao động bình quân	Người	505	475	94,06
2	Tiền lương bình quân	1000 đ/n/th	11.221	14.476,35	129,01

1.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025:

* Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025
1	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	630.000
2	Doanh thu, Thu nhập khác	Tr.đ	605.382
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	30.000
4	Cổ tức	%	12
5	Nộp NS nhà nước	Tr.đ	31.194
6	Lao động định mức	Người	459
7	Tiền lương bình quân	Trđ/người/Th	10,942

- Giao cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, chủ động điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 cho phù hợp với thực tế sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm, tuy nhiên đảm bảo không làm ảnh hưởng đến kế hoạch lợi nhuận đã được giao.

* Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025:

Stt	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (Tr.đ)
I	Công trình chuyển tiếp			10.599

Stt	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (Tr.đ)
I	Dự án đầu tư Hệ thống xếp bao tự động	HT	1	10.599
II	Công trình khởi công mới			0
III	Chuẩn bị đầu tư			966
1	Dự án đầu tư xây dựng hàng rào khu phía Đông Nam	m	558	200
2	Dự án cải tạo hệ thống lọc bụi tĩnh điện công đoạn nghiền liệu	HT	1	350
3	Dự án đầu tư hệ thống đóng bao năng suất ≥ 110 tấn/h	HT	1	316
4	Dự án đầu tư hệ thống đóng bao năng suất ≥ 110 tấn/h số 2	HT	1	100
IV	Dự phòng			6.599
1	Dự án đầu tư hệ thống đóng bao năng suất ≥ 110 tấn/h	HT	1	2.500
2	Dự án đầu tư hệ thống phụ sương dập bụi	HT	1	170
3	Dự án đầu tư xây dựng hàng rào khu phía Đông Nam	m	558	3.504
4	Dự án đầu tư máy xúc thủy lực gầu ngược, dung tích gầu $\geq 1,4m^3$	cái	1	425
V	Tổng cộng (V=I+II+III+IV)			18.164

- Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động điều hành các dự án đầu tư xây dựng dự kiến thực hiện năm 2025 ước đạt **18.164** triệu đồng.

2. Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La hiên VVMI năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.

3. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Công ty năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.

4. Thông qua báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI đã được kiểm toán.

5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, mức trả cổ tức năm 2024 như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện
1	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	38.679.263.999
	Trong đó: Lợi nhuận năm trước chuyển sang	Đồng	0
	- Lợi nhuận năm nay	Đồng	38.679.263.999
2	Trích lập các quỹ	Đồng	11.079.263.999
a	Trích quỹ đầu tư phát triển	Đồng	0
b	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (1,57 tháng lương bình quân)	Đồng	10.794.017.999
b1	Quỹ lương thực hiện năm 2024 của Công ty	Đồng	82.515.216.545
b2	Quỹ lương thực hiện bình quân 1 tháng của Công ty	Đồng	6.876.268.045
b3	Số tháng lương được trích tối đa (3 tháng lương)	Tháng	1,57
b4	Mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ($b4=b2*b3$)	Đồng	10.794.017.999
c	Trích quỹ khen thưởng người quản lý doanh nghiệp (1,5 tháng lương bình quân của người quản lý Công ty chuyên trách)	Đồng	285.246.000
c1	Quỹ lương thực hiện BQ 1 tháng của NQL DN năm 2024 (1,5 tháng lương bình quân của người quản lý Công ty chuyên trách)	Đồng	190.164.000
c2	Số tháng lương được trích tối đa (1,5 tháng lương)	Tháng	1,5
c3	Mức trích quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp ($c3=c1*c2$)	Đồng	285.246.000
3	Phương án trả cổ tức năm 2024		
a	Tỷ lệ trả cổ tức theo NQ ĐHCĐ đầu năm	%	15
b	Tỷ lệ trả cổ tức năm 2024	%	23
c	Số tiền trả cổ tức	Đồng	27.600.000.000
4	Số lợi nhuận còn lại sau khi đã chia cổ tức và trích các quỹ trên	Đồng	0

6. Quyết toán việc chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024; phương án chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS) năm 2025 như sau:

6.1. Thù lao cho HĐQT, BKS thực hiện năm 2024:

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Họ tên	Chức vụ	Thực hiện
1	Vũ Minh Tân	CT HĐQT	89.107.200

Stt	Họ tên	Chức vụ	Thực hiện
2	Trần Quang Khải	TV HĐQT	74.880.000
3	Hà Văn Chuyển	TV HĐQT	74.880.000
4	Phạm Mạnh Tiến	TV HĐQT	74.880.000
5	Nguyễn Xuân Hậu	TV HĐQT	74.880.000
6	Nguyễn Thị Hồng Nhung	TV BKS	74.880.000
7	Trần Thu Hương	TV BKS	74.880.000
	Tổng cộng		538.387.200

6.2. Phương án chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2025: Căn cứ kết quả SXKD nếu tiền lương của Người quản lý được quyết toán tăng thì mức chi trả thù lao sẽ tăng tương ứng, nhưng mức chi tối đa không quá 20% mức tiền lương của Người quản lý và dự kiến như sau:

Stt	Chức danh	Số lượng	KH (đ/ng/th)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	1	4.760.000	
2	Thành viên HĐQT	4	4.000.000	
3	Thành viên BKS	2	4.000.000	

7. Thông qua lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.

8. Thông qua hợp đồng mua bán hàng hóa với người có liên quan, hợp đồng mua bán lớn (>35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp) như sau:

- Hợp đồng mua bán than với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam năm 2025 như sau:

- Than cám 5a.6 (mã sản phẩm 05-C5A.6)
- Khối lượng: **75.000 +/-10% tấn.**
- Thời gian thực hiện kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2025
- Giao cho Giám đốc Công ty phần xi măng La Hiên VVMI thực hiện ký kết hợp đồng kinh tế với người có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Nghị quyết này đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI thông qua toàn văn tại Đại hội.
- Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ sau khi kết thúc Đại hội.
- Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, triển khai các nội dung đã được Đại hội đồng Cổ đông thường

niên năm 2025 thông qua tại Nghị quyết này và tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện theo đúng Nghị quyết và quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBCKNN (thay B/cáo);
- Sở giao dịch CK Hà nội;
- TCT LK và BTCK Việt Nam (02b);
- Công bố TT trên Website Cty;
- Các thành viên HĐQT; BKS;
- Ban lãnh đạo điều hành;
- Các đơn vị Công ty;
- Lưu: VP, HĐQT. ✓

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ✓
CHỦ TỌA



Vũ Minh Tân

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Số: 06 /BB-ĐHĐCĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 4 năm 2025

**BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Hôm nay, vào hồi 08 giờ 15 phút, ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.

Địa chỉ trụ sở: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

Mã số doanh nghiệp số: 4600422240

Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025.

I. Thành phần dự Đại hội gồm có:

A. Hội đồng quản trị Công ty gồm có:

- | | |
|-------------------------|---------------------------|
| 1. Ông: Vũ Minh Tân | - Chủ tịch HĐQT Công ty |
| 2. Ông: Trần Quang Khải | - Thành viên HĐQT Công ty |
| 3. Ông: Hà Văn Chuyên | - Thành viên HĐQT Công ty |
| 4. Ông: Phạm Mạnh Tiến | - Thành viên HĐQT Công ty |
| 5. Ông: Nguyễn Xuân Hậu | - Thành viên HĐQT Công ty |

B. Ban Kiểm Soát Công ty gồm có:

- | | |
|------------------------------|--|
| 1. Ông: Phạm Trung Hợp | - Trưởng Ban kiểm soát Công ty |
| 2. Bà: Nguyễn Thị Hồng Nhung | - Thành viên Ban kiểm soát |
| 3. Bà: Trần Thu Hương | - Thành viên Ban kiểm soát (vắng mặt có lý do) |

C. Cổ đông tham dự Đại hội:

Thời điểm khai mạc Đại hội vào lúc 08 giờ 15 phút, có **29** vị Cổ đông của Công ty, sở hữu và đại diện cho **8.898.230** cổ phần, bằng **74,15%** số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

D. Chủ tọa Đại hội gồm:

- | | |
|-------------------------|--|
| 1. Ông: Vũ Minh Tân | - Chủ tịch HĐQT Công ty làm Chủ tọa |
| 2. Ông: Trần Quang Khải | - Thành viên HĐQT; Giám đốc - Thành viên |

E. Chủ tọa Đại hội đã chỉ định thư ký để giúp Chủ tọa điều hành Đại hội gồm:

1. Ông: Lê Xuân Tinh - Thư ký HĐQT Công ty - Thư ký Đại hội
2. Ông: Nguyễn Thạc Cường - Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư - Thành viên

II. Nội dung và diễn biến của Đại hội:

Đại hội đã diễn ra theo trình tự và bao gồm những nội dung sau đây:

1. Ông Nguyễn Văn Vượng - Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông đã đọc báo cáo thẩm tra tư cách Cổ đông trước khi khai mạc Đại hội và công bố **29** vị Cổ đông có mặt đủ tư cách tham dự Đại hội. Những Cổ đông có mặt sở hữu và đại diện cho **8.898.230** cổ phần, bằng **74,15%** số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ khoản 1 điều 145 Luật doanh nghiệp số 59 năm 2020 và khoản 1 điều 19 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI thì Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty đã hội đủ các điều kiện để tiến hành Đại hội theo đúng quy định của pháp luật.

Chủ tọa Đại hội lấy ý kiến biểu quyết thông qua báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

Kết quả biểu quyết:

- ✓ *Tán thành: 8.898.230 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*
- ✓ *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*
- ✓ *Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*

2. Chủ tọa Đại hội trình bày và thông qua các nội dung trước khi tiến hành đại hội như sau:

2.1. Thông qua chương trình Đại hội, hướng dẫn biểu quyết thông qua các nội dung trong chương trình của Đại hội

Ông Vũ Minh Tân - Chủ tọa, trình bày chương trình đại hội và lấy ý kiến biểu quyết thông qua chương trình Đại hội.

Kết quả biểu quyết:

- ✓ *Tán thành: 8.898.230 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*
- ✓ *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*
- ✓ *Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*

2.2 Thông qua quy chế Đại hội

Ông Hà Văn Chuyển – Thành viên HĐQT trình bày quy chế đại hội, Chủ tọa lấy ý kiến biểu quyết thông qua nội dung quy chế đại hội.

Kết quả biểu quyết:

- ✓ *Tán thành: 8.898.230 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*

✓ Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

2.3. Để giúp Đại hội kiểm phiếu biểu quyết các nội dung của Đại hội. Đại hội tiến hành bầu Ban kiểm phiếu có 05 thành viên. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ: Phát phiếu, thu phiếu biểu quyết, tổ chức kiểm phiếu, lập biên bản và gửi kết quả cho Chủ tọa Đại hội công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội, đồng thời nộp biên bản và toàn bộ phiếu biểu quyết cho Thư ký Đại hội tổng hợp và lưu cùng biên bản Đại hội.

Chủ tọa Đại hội đề cử danh sách Ban kiểm phiếu như sau:

- | | |
|-------------------------|--------------|
| 1. Ông Nguyễn Văn Vượng | - Trưởng ban |
| 2. Ông Nông Duy Hiệp | - Thành viên |
| 3. Ông Ngô Hải Long | - Thành viên |
| 4. Bà Nguyễn Thị Hằng | - Thành viên |
| 5. Bà Trịnh Thị Bình | - Thành viên |

Chủ tọa, lấy ý kiến biểu quyết thông qua danh sách Ban kiểm phiếu.

Kết quả biểu quyết:

✓ Tán thành: 8.898.230 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

3. Trình bày các báo cáo, tờ trình trong Đại hội:

Sau khi thực hiện các thủ tục tiến hành Đại hội, Chủ tọa Đại hội đã điều hành để Đại hội nghe báo cáo, tờ trình và thông qua các báo cáo, tờ trình nội dung như sau:

3.1. Báo cáo của Giám Đốc Công ty về kết quả hoạt động SXKD năm 2024, kế hoạch SXKD năm 2025:

Đại hội đã nghe Ông Trần Quang Khải - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty trình bày nội dung báo cáo về kết quả hoạt động SXKD năm 2024, kế hoạch SXKD năm 2025.

*** Tại thời điểm 08 giờ 55 phút, có thêm 01 Cổ đông tham dự (số cổ phần 8.720 CP), tổng số cổ đông tham dự là 30 Cổ đông, sở hữu và đại diện cho 8.906.950 cổ phần, bằng 74,22 % số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.**

*** Tại thời điểm 09 giờ 15 phút, có thêm 01 Cổ đông tham dự (số cổ phần 175.920 CP), tổng số cổ đông tham dự là 31 Cổ đông, sở hữu và đại diện cho 9.082.870 cổ phần, bằng 75,69 % số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.**

3.1.1. Đại hội tiến hành thảo luận:

*** Ý kiến của Cổ đông STT 28:**

Do bối cảnh suy thoái của nền kinh tế, qua kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2024 của Công ty cho thấy, công ty đã đạt được nhiều mục tiêu đề ra và cũng có chỉ tiêu vượt kế hoạch đề ra, thông qua báo cáo tài chính tôi thấy hàng hóa tồn kho cuối năm 2024 đã giảm so với năm 2023 và công nợ cũng giảm, đầu tư ngắn hạn cũng tăng, do vậy phải xem lại mối tương quan giữa sản lượng và doanh thu, lợi nhuận của kế hoạch SXKD năm 2025.

Về kế hoạch Năm 2025 sản lượng bằng 95% năm 2024; doanh thu bằng 90,8% năm 2024; lợi nhuận 30 tỷ bằng 61,8%, nhưng lại tăng sản lượng bán clinker, sản lượng bán xi măng giảm thì sẽ làm giảm doanh thu và lợi nhuận đề nghị xem lại cơ cấu sản phẩm tiêu thụ nên giảm sản lượng bán clinker tăng sản lượng bán xi măng bao, theo cơ cấu sản lượng điều chỉnh sẽ tăng được doanh thu và lợi nhuận năm 2025 nên đề ở mức là 42 tỷ đồng.

*** Ông Vũ Minh Tân – Chủ tịch HĐQT công ty trả lời:**

Năm 2024 công ty đã rất cố gắng giữ giá bán xi măng (hiện tại giá bán xi măng của Công ty vẫn cao hơn xi măng cùng phân khúc, cùng thị trường) tuy nhiên vẫn phải điều chỉnh giá bán phù hợp theo thị trường để tiêu thụ sản phẩm, năm 2024 đã đạt được kết quả SXKD như trong báo cáo đã nêu, đây là kết quả của sự rất cố gắng của Ban lãnh đạo Công ty. Năm 2024 công ty đã thực hiện tốt việc kiểm soát hàng tồn kho, vật tư, thiết bị tồn kho ở mức thấp; việc kiểm tra, theo dõi công tác công nợ, thu hồi công nợ được thực hiện tốt.

Kế hoạch SXKD năm 2025 xây dựng vào quý 4/2024 với hy vọng thị trường tiêu thụ xi măng năm 2025 sẽ tốt hơn trong khi vẫn còn nhiều khó khăn, cung vượt rất nhiều so với nhu cầu thực tế; vào những tháng đầu năm 2025 thị trường tiêu thụ sản phẩm có chuyển biến âm lên nhưng ở cuối quý 1/2025 tình hình thế giới có nhiều biến động bất thường làm kinh tế thế giới có nhiều biến động (chính sách thuế quan...), cùng với tình hình thị trường trong nước có nhiều thay đổi khó lường do ảnh hưởng cơ chế chính sách làm ảnh hưởng đến tình hình tiêu thụ sản phẩm của Công ty. Để phát huy tối đa công suất thiết bị giảm giá thành và tiêu thụ hết sản phẩm sản xuất thì về cơ cấu sản phẩm tiêu thụ vẫn cần phải tiêu thụ clinker do thị trường xi măng bao tiêu thụ rất khó khăn, trong thực hiện kế hoạch 2025 Công ty sẽ cố gắng tăng cường tối đa tiêu thụ xi măng bao để tăng hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Lợi nhuận năm 2025 giảm do chi phí sản xuất năm 2025 tăng lên do tăng chi phí than nung vì nguồn cung cấp đá thải sau sàng tuyển của Công ty than Khánh Hòa VVMI giảm cho nên sản lượng đá thải sau sàng bán cho Công ty cũng giảm theo; mỏ đá La Hiên của công ty đang tạm dừng khai thác để thực hiện việc cấp đổi giấy phép cho nên công ty phải tập trung khai thác đá tại mỏ đá vôi Đồng Chuông để đáp ứng nhu cầu sản xuất, do đó cũng tăng chi phí trong giá thành sản xuất của Công ty. Với những khó khăn, thách thức nêu trên tập thể CBCNV Công ty cần phải nỗ lực phấn đấu để hoàn thành tốt kế hoạch SXKD năm 2025 đã đề ra.

*** Ý kiến của Cổ đông STT 31:**

Kết quả SXKD năm 2024 có chiều hướng giảm so với một, hai năm trở lại đây, không đồng ý với báo cáo đã nêu; kiến nghị việc xây dựng kế hoạch SXKD năm 2025 phải cân đối hài hoà cơ cấu sản phẩm giữa xi măng và Clinker, công ty cần tăng sản lượng tiêu thụ xi măng và giảm sản lượng tiêu thụ clinker để tăng lợi nhuận.

Kế hoạch SXKD 2025 đặt ra là khiêm tốn, lợi nhuận giảm thấp, đề nghị công ty tăng cường công tác hợp lý hoá sản xuất, tiết kiệm chi phí hơn nữa để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, mang lại lợi nhuận tối đa, để góp phần xây dựng cho đất nước nhiều hơn nữa.

*** Ông Vũ Minh Tân – Chủ tịch HĐQT công ty trả lời:**

Năm 2024 mặc dù gặp rất nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh nhưng công ty cũng đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2024 và cũng là những đơn vị sản xuất xi măng có được lợi nhuận tốt trong số các đơn vị sản xuất xi măng trong cả nước.

Về kế hoạch SXKD năm 2025 của Công ty có nhiều khó khăn, thách thức như đã nêu, Công ty ghi nhận ý kiến của Cổ đông, đề nghị cổ đông cùng chia sẻ những khó khăn cùng Ban lãnh đạo công ty đề lãnh đạo, điều hành thực hiện hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất năm 2025.

3.1.2. Đại hội lấy ý kiến Cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

Kết quả biểu quyết:

✓ *Tán thành: 8.898.230 cổ phần, chiếm 97,97 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*

✓ *Không tán thành: 175.920 cổ phần, chiếm 1,94 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*

✓ *Ý kiến khác: 8.720 cổ phần, chiếm 0,09 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*

3.2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025:

Đại hội đã nghe Ông Vũ Minh Tân – Chủ tịch HĐQT Công ty, trình bày nội dung báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025.

3.2.1. Đại hội tiến hành thảo luận:

Các cổ đông không có ý kiến về báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025.

3.2.2. Đại hội lấy ý kiến Cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

Kết quả biểu quyết:

✓ *Tán thành: 8.906.950 cổ phần, chiếm 98,06 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*

✓ *Không tán thành: 175.920 cổ phần, chiếm 1,94 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*

✓ Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

3.3. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Công ty năm 2024 kế hoạch hoạt động năm 2025:

Đại hội đã nghe Ông Phạm Trung Hợp - Trưởng Ban kiểm soát Công ty, trình bày nội dung báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Công ty năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025:

3.3.1. Đại hội tiến hành thảo luận:

*** Ý kiến của Cổ đông STT 31:**

Báo cáo của Ban kiểm soát về cơ bản đã đầy đủ tuy nhiên cần nêu rõ hơn nữa trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát, đề nghị Ban kiểm soát trong năm tới nên xây dựng chi tiết hơn nữa trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát trong báo cáo.

*** Ông Vũ Minh Tân – Chủ tịch HĐQT công ty trả lời:**

Qua ý kiến của Cổ đông, đề nghị Ban kiểm soát xem xét và xây dựng chi tiết, cụ thể hơn nữa trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát để công tác kiểm tra, giám sát ngày càng tốt hơn.

3.3.2. Đại hội lấy ý kiến Cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

Kết quả biểu quyết:

✓ Tán thành: 8.906.950 cổ phần, chiếm 98,06 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Không tán thành: 175.920 cổ phần, chiếm 1,94 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

3.4. Tờ trình thông qua báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán:

Đại hội đã nghe Bà Nguyễn Thị Hằng – Phụ trách kế toán Công ty, báo cáo tờ trình thông qua báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.

3.4.1. Đại hội tiến hành thảo luận:

Các cổ đông không có ý kiến về báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.

3.4.2. Đại hội lấy ý kiến Cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

Kết quả biểu quyết:

✓ Tán thành: 8.906.950 cổ phần, chiếm 98,06 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Không tán thành: 175.920 cổ phần, chiếm 1,94 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

3.5. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024:

Đại hội đã nghe Bà Nguyễn Thị Hằng – Phụ trách kế toán Công ty, báo cáo tờ trình về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024.

3.5.1. Đại hội tiến hành thảo luận:

*** Ý kiến của Cổ đông STT 31:**

Công ty nên có cơ chế gắn việc trích lập quỹ phúc lợi tăng, giảm theo kết quả trả cổ tức hàng năm.

*** Ông Vũ Minh Tân – Chủ tịch HĐQT công ty trả lời:**

Việc trích lập quỹ phúc lợi Công ty đã căn cứ theo các quy định của nhà nước. Năm 2024 trích lập quỹ phúc lợi giảm so với năm 2023, việc trích lập quỹ phúc lợi năm 2024 là theo đúng quy định.

3.5.2. Đại hội lấy ý kiến Cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

Kết quả biểu quyết:

- ✓ *Tán thành: 8.906.950 cổ phần, chiếm 98,06 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*
- ✓ *Không tán thành: 175.920 cổ phần, chiếm 1,94 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*
- ✓ *Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*

3.6. Tờ trình thông qua việc quyết toán chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2025:

Đại hội đã nghe Bà Nguyễn Thị Hằng – Phụ trách kế toán Công ty, báo cáo tờ trình thông qua việc quyết toán chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2025.

3.6.1. Đại hội tiến hành thảo luận:

Các cổ đông không có ý kiến về việc quyết toán chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2025.

3.6.2. Đại hội lấy ý kiến Cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

Kết quả biểu quyết:

- ✓ *Tán thành: 8.906.950 cổ phần, chiếm 98,06 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*
- ✓ *Không tán thành: 175.920 cổ phần, chiếm 1,94 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*
- ✓ *Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*

3.7. Tờ trình thông qua việc lựa chọn danh sách Công ty thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025:

Đại hội đã nghe Ông Phạm Trung Hợp - Trưởng ban kiểm soát Công ty, báo cáo tờ trình về việc lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

3.7.1. Đại hội tiến hành thảo luận:

*** Ý kiến của Cổ đông STT 31:**

Công ty nên thường xuyên lựa chọn công ty kiểm toán khác cho báo cáo tài chính hàng năm.

*** Ông Vũ Minh Tân – Chủ tịch HĐQT công ty trả lời:**

Công ty đã thực hiện việc lựa chọn công ty kiểm toán cho báo cáo tài chính hàng năm theo đúng quy định của nhà nước.

3.7.2. Đại hội lấy ý kiến Cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

Kết quả biểu quyết:

✓ Tán thành: 8.906.950 cổ phần, chiếm 98,06 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Không tán thành: 175.920 cổ phần, chiếm 1,94 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

3.8. Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch Đầu tư xây dựng năm 2025:

Đại hội đã nghe Ông Trần Quang Khải - Thành viên HĐQT; Giám đốc Công ty, báo cáo tờ trình về việc thông qua kế hoạch SXKD và kế hoạch ĐTXD năm 2025.

3.8.1. Đại hội tiến hành thảo luận:

*** Ý kiến của Cổ đông STT 31:**

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát cần rà soát kỹ lưỡng lại các dự án đầu tư xây dựng năm 2025, nên đầu tư các dự án thực sự cần thiết, đảm bảo việc đầu tư đạt hiệu quả, tránh gây thất thoát, lãng phí.

*** Ông Vũ Minh Tân – Chủ tịch HĐQT công ty trả lời:**

Việc triển khai các dự án đầu tư năm 2025 là thực sự cần thiết để đáp ứng sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc tiếp tục đổi mới công nghệ và nâng cao cơ sở vật chất, đảm bảo môi trường trong sản xuất kinh doanh.

3.8.2. Đại hội lấy ý kiến Cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

Kết quả biểu quyết:

✓ Tán thành: 8.307.070 cổ phần, chiếm 91,46 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Không tán thành: 775.800 cổ phần, chiếm 8,54 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

3.9. Tờ trình thông qua việc ký kết hợp đồng mua, bán hàng hóa với người có liên quan của Công ty để phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2025:

Đại hội đã nghe Ông Trần Quang Khải - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty, báo cáo tờ trình thông qua hợp đồng giao dịch với người có liên quan của Công ty (>35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp) để phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2025.

3.9.1. Đại hội tiến hành thảo luận:

Các cổ đông không có ý kiến về việc ký kết hợp đồng mua, bán hàng hóa với người có liên quan của Công ty để phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2025.

3.9.2. Đại hội lấy ý kiến Cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

Sau khi loại trừ số phiếu biểu quyết của người có liên quan là **6.165.960 cổ phần**, số lượng cổ phần có quyền biểu quyết thông qua việc ký kết hợp đồng mua, bán hàng hóa với người có liên quan, giá trị lớn với tổng số cổ phần là **2.916.910 cổ phần** có quyền biểu quyết tại Đại hội như sau:

Kết quả biểu quyết:

- ✓ *Tán thành: 2.740.990 cổ phần, chiếm 93,97 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*
- ✓ *Không tán thành: 175.920 cổ phần, chiếm 6,03 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*
- ✓ *Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*

* Đại hội lấy ý kiến cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

III. Thông qua nghị quyết, biên bản và bế mạc đại hội

1. Ông Lê Xuân Tình - Thư ký Đại hội đọc dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025.

* Đại hội lấy ý kiến cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

- Kết quả biểu quyết thông qua toàn văn Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025:

- ✓ *Tán thành: 8.906.950 cổ phần, chiếm 98,06 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*
- ✓ *Không tán thành: 175.920 cổ phần, chiếm 1,94 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*
- ✓ *Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết..*

2. Ông Lê Xuân Tình - Thư ký đại hội đọc dự thảo Biên bản Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025.

* Đại hội lấy ý kiến cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

- Kết quả biểu quyết thông qua toàn văn Biên bản Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025:

- ✓ *Tán thành: 8.906.950 cổ phần, chiếm 98,06 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*
- ✓ *Không tán thành: 175.920 cổ phần, chiếm 1,94 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*
- ✓ *Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*

Biên bản này được Thư ký Đại hội ghi lại đầy đủ, trung thực đã được đọc trước Đại hội và được Đại hội biểu quyết thông qua.

3. Ông Vũ Minh Tân - Chủ tọa phát biểu cảm ơn và bế mạc Đại hội.

Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI năm 2025, kết thúc vào hồi 12 giờ 35 phút ngày 17 tháng 4 năm 2025./.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Lê Xuân Tình

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Vũ Minh Tân

La Hiên, ngày 17 tháng 04 năm 2025

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG****Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025****Công ty cổ phần xi măng La Hiên - VVMi**

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN			SỐ CMND/CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	KÝ XÁC NHẬN	HỌ VÀ TÊN
		SL CP THAM DỰ	VỐN CP NN	TỔNG CỘNG					
1	VŨ MINH TÂN	118,180	6,165,960	6,284,140	019067013204	07/01/2022	Cục CSĐKQL cư trú và DLQG về dân cư		Vũ Minh Tân.
2	TRẦN QUANG KHẢI	376,060		376,060	019073008808	28/08/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Trần Quang Khải.
3	PHẠM MẠNH TIẾN	63,200		63,200	019069001194	21/04/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Phạm Mạnh Tiến.
4	NGUYỄN THANH TRƯỜNG	10,800		10,800	010066003712	28/08/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Nguyễn Thanh Trường.
5	NGUYỄN SÓNG GIÓ	20,040		20,040	019080014304	11/08/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Nguyễn Sóng Gió.
6	NGUYỄN THỊ THU HOÀI	80,200		80,200	019188006028	09/05/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Nguyễn Thị Thu Hoài.
7	PHẠM TRUNG HỢP	8,880		8,880	019078008911	20/08/2022	Cục CSQLHC về trật tự XH		Phạm Trung Hợp.
8	NGUYỄN XUÂN HẬU	39,920		39,920	019060006402	14/06/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Nguyễn Xuân Hậu.
9	NGUYỄN THỊ VIỆT HOA	133,560		133,560	019176011415	31/08/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Nguyễn Thị Việt Hoa.
10	NGUYỄN VĂN VƯỢNG	7,800		7,800	026066003807	25/04/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Nguyễn Văn Vượng.
11	LÊ XUÂN TÌNH	38,200		38,200	001072037055	28/08/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Lê Xuân Tình.


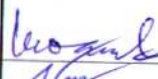


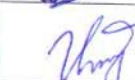
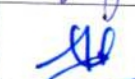


DANH SÁCH CỔ ĐÔNG

Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Công ty cổ phần xi măng La Hiên - VVMI

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN			SỐ CMND/CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	KÝ XÁC NHẬN	HỌ VÀ TÊN
		SL CP THAM DỰ	VỐN CP NN	TỔNG CỘNG					
12	NGUYỄN VĂN HƯỜNG	8,880		8,880	019164006023	31/08/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH	<i>nghe</i>	<i>Nguyễn Văn Hường</i>
13	NGUYỄN THẠCH CƯỜNG	20,800		20,800	019068000360	06/04/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH	<i>th</i>	<i>Nguyễn Thạch Cường</i>
14	LÊ BÁ CHỨC	18,840		18,840	038065036630	31/08/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH	<i>nh</i>	<i>Lê Bá Chức</i>
15	HÀ QUANG TIỀN	16,800		16,800	025072014238	28/08/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH	<i>Tien</i>	<i>Hà Quang Tiên</i>
16	TRỊNH THỊ BÌNH	19,200		19,200	019174002168	29/04/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH	<i>MB</i>	<i>Trình Thị Bình</i>
17	ĐỖ TRUNG KIÊN	11,580		11,580	019077062100	17/09/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH	<i>Qu</i>	<i>Đỗ Trung Kiên</i>
18	ĐỖ VĂN NGHỊ	15,360		15,360	036078013313	31/08/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH	<i>MB</i>	<i>Đỗ Văn Nghị</i>
19	NGUYỄN QUANG LÂM	29,980		29,980	030073013066	28/08/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH	<i>Qu</i>	<i>Nguyễn Quang Lâm</i>
20	VŨ MẠNH HẢI	14,640		14,640	019080014246	31/08/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH	<i>MB</i>	<i>Vũ Mạnh Hải</i>
21	HỒ NGỌC LONG	39,000		39,000	034078028005	03/07/2023	Cục CSQLHC về trật tự XH	<i>Long</i>	<i>Hồ Ngọc Long</i>
22	LÊ QUANG GIÁP	595,620		595,620	042073009826	25/06/21	Cục CSQLHC về trật tự XH	<i>L</i>	<i>Lê Quang Giáp</i>
23	NÔNG DUY HIỆP	7,680		7,680	019080001727	25/04/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH	<i>Qu</i>	<i>Nông Duy Hiệp</i>

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG**Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025****Công ty cổ phần xi măng La Hiên - VVMI**

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN			SỐ CMND/CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	KÝ XÁC NHẬN	HỌ VÀ TÊN
		SL CP THAM DỰ	VỐN CP NN	TỔNG CỘNG					
24	NGUYỄN THỊ HẰNG	12,000		12,000	001173034353	02/11/2022	Cục CSQLHC về trật tự XH		Ng. T. Hằng
25	LÊ HUY HOÀNG	198,640		198,640	019071015349	17/09/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Lê Huy Hoàng
26	NGÔ HẢI LONG	69,760		69,760	001092051070	06/05/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Ngô Hải Long
27	LÊ HỮU THUỐC	40,170		40,170	025077003339	25/04/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Lê Hữu Thuốc
28	HOÀNG THỊ THÚY	599,880		599,880	019173001154	18/04/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Hoàng Thị Thúy
29	HÀ VĂN CHUYỀN	116,600		116,600	030066018317	22/11/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Hà Văn Chuyền
30	NGUYỄN NGỌC QUANG	8,720		8,720	038060011720	25/9/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Nguyễn Ngọc Quang
31	PHÍ LONG	175,920		175,920	001071012884	08/10/22	Cục CSQLHC về trật tự XH		Phí Long
	TỔNG CỘNG:	2,916,910	6,165,960	9,082,870					

75.69

Bằng chữ: Chín triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi cổ phần

BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024
VÀ NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền VVMI ban hành kèm theo Quyết định số 16/QĐ-HĐQT, ngày 26/4/2021 của Hội đồng quản trị;

Thực hiện nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 34/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/04/2024, quyết định số 38/QĐ-HĐQT ngày 17/4/2024 của Chủ tịch HĐQT Công ty, về việc giao kế hoạch SXKD năm 2024. Giám đốc Công ty xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ nhiệm vụ 2025 như sau:

PHẦN THỨ NHẤT
TÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2024

I. Đặc điểm tình hình

1. Thuận lợi

Được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng ủy và chỉ đạo của Hội đồng quản trị Công ty, sự đoàn kết nhất trí cao trong chỉ đạo điều hành của đội ngũ cán bộ và tập thể người lao động đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để Công ty hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ SXKD năm 2024.

2. Khó khăn

Năm 2024 là một năm tiếp tục có nhiều biến động về nền kinh tế trong nước, ngành sản xuất VLXD bị ảnh hưởng nghiêm trọng, tiêu thụ xi măng ở cả thị trường nội địa và xuất khẩu đều giảm do chịu tác động từ suy giảm kinh tế, giải ngân đầu tư công chậm và nội tại ngành dư thừa công suất, các công trình, dự án cũng bị đình trệ triển khai, thậm chí phải giãn, hoãn tiến độ khi gặp khó khăn về nguồn vốn, giải ngân vốn đầu tư công chưa thuận lợi. Cùng đó, thị trường bất động sản dự báo tiếp tục trầm lắng và tăng trưởng âm, thị trường xi măng tiếp tục mất cân đối, nguồn cung vượt cao so với nhu cầu đã ảnh hưởng lớn đến sản lượng tiêu thụ của xi măng La Hiền. Công ty phải trải qua những khó khăn, thách thức rất lớn, Nhưng với sự đoàn kết, không ngừng phấn đấu, năng động sáng tạo của

tập thể cán bộ công nhân viên công ty đã chủ động tích cực tận dụng những cơ hội, khắc phục được những khó khăn để hoàn thành mục tiêu lợi nhuận kế hoạch đề ra

Năm 2024 thị trường tiêu thụ xi măng nội địa tiếp tục cạnh tranh khốc liệt các sản phẩm của xi măng La Hiên đang cạnh tranh quyết liệt với nhiều các thương hiệu xi măng khác như xi măng Quang Sơn, Long Sơn, Thành Thắng Xuân Thành, Visai, Pomihua... tại các thị trường chính như Thái Nguyên, Bắc Cạn, Cao Bằng, Lạng Sơn. Do vậy, thị phần tiêu thụ sản phẩm xi măng La Hiên đã và đang ảnh hưởng bởi các thương hiệu xi măng nói trên làm ảnh hưởng lớn đến sản lượng tiêu thụ của Công ty.

Hệ thống thiết bị dây chuyền sản xuất nằm trong tình trạng lạc hậu, năng suất thấp như hệ thống ghi lạnh, máy nghiền xi măng, máy đóng bao, hệ thống đo đếm tín hiệu điều khiển, hệ thống thiết bị phân tích chất lượng sản phẩm, cần có sự cải tiến để tăng năng suất thiết bị và chất lượng sản phẩm.

II. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2024

1. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2024	Thực hiện năm 2024	TH/KH (%)
1	2	3	4	5	6=5/4*100
A	Chỉ tiêu hiện vật				
I	Sản lượng sản xuất	Tấn	670.000	659.476,47	98,43
1	Xi măng	"	650.000	644.924,11	99,22
2	Clinker thương phẩm	"	20.000	14.552,36	72,76
II	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	670.000	659.476,47	98,43
-	Xi măng	"	650.000	644.924,11	99,22
-	Clinker thương phẩm	"	20.000	14.552,36	72,76
B	Doanh thu, thu nhập khác	Tr.đ	680.631,66	666.046,34	97,86
-	Xi măng	"	661.359,17	649.098,63	98,15
-	Clinker thương phẩm	"	13.272,73	9.705,50	73,12
-	Doanh thu khác, doanh thu tài chính, thu nhập khác	"	5.999,76	7.242,21	120,71
C	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	40.000	48.504,79	121,26
D	Cổ tức (dự kiến)	%	15	23	153,33
E	Nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đ	33.523	36.025	107,46
F	Lao động và thu nhập				
1	Lao động bình quân	Người	505	475	94,06
2	Tiền lương bình quân	1000 đ/n/th	11.221	14.476,35	129,01

2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2024 trong bối cảnh nền kinh tế nước ta đang phải chịu ảnh hưởng từ các yếu tố bên ngoài như: Xung đột chính trị quân sự giữa Nga và Ucraina vẫn đang tiếp tục diễn ra, giá nguyên liệu, nhiên liệu đầu vào tăng cao, nhất là giá xăng dầu; lạm phát gia tăng ở nhiều nước trên thế giới; sự phục hồi kinh tế chậm ở các nước có đối tác thương mại lớn đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong bối cảnh trên ngay từ những tháng đầu năm, năm bắt được thị trường sẽ có nhiều diễn biến phức tạp. Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI đã khắc phục khó khăn, tích cực triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, Ban lãnh đạo Công ty luôn sát sao trong việc điều hành kế hoạch SXKD theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Công ty xem xét một cách thận trọng trong việc hoạch định chiến lược phát triển của mình trên cơ sở hạn chế đến mức tối đa những tác động tiêu cực từ nền kinh tế, đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Do biến động của thị trường, năm 2024 tiêu thụ xi măng ở cả thị trường nội địa và xuất khẩu đều giảm do chịu tác động từ suy giảm kinh tế, giải ngân đầu tư công chậm và nội tại ngành dư thừa công suất, các công trình, dự án cũng bị đình trệ triển khai, thậm chí phải giãn, hoãn tiến độ khi gặp khó khăn về nguồn vốn, giải ngân vốn đầu tư công chưa thuận lợi. Cùng đó, thị trường bất động sản dự báo tiếp tục trầm lắng và tăng trưởng âm, thị trường xi măng tiếp tục mất cân đối, nguồn cung vượt cao so với nhu cầu đã ảnh hưởng lớn đến sản lượng tiêu thụ của xi măng La Hiên, trong năm 2024 sản lượng tiêu thụ đạt 659.476,47 tấn/KH 670.000 tấn bằng 98,43%, doanh thu đạt 666.046 tr.đ/KH 680.631 tr.đồng bằng 97,86%, lợi nhuận trước thuế đạt 48.504 tr.đ/KH 40.000 tr.đ bằng 121,26%.

Ngay từ đầu năm Công ty đã ban hành các giải pháp điều hành thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024 và đồng thời triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí.

- Năm 2024 công ty tập trung sản xuất trên dây chuyền lò quay 2 và duy trì thiết bị dây chuyền hoạt động ổn định năng suất chất lượng đáp ứng nhu cầu tiêu thụ: Đối với dây chuyền lò quay 2 Công ty đã chủ động dừng lò vào dịp nghỉ tết nguyên đán và mùa mưa hàng năm, sản lượng tiêu thụ thường giảm để sửa chữa bảo dưỡng theo kế hoạch nhằm giảm tồn kho sản phẩm đồng thời tăng cường năng lực thiết bị sản xuất.

- Trong năm 2024, cân đối sản lượng tiêu thụ và sản phẩm tồn kho Công ty đã dừng chủ động dây chuyền lò 2 để thực hiện bảo dưỡng sửa chữa thiết bị dây chuyền theo kế hoạch. (thay cơ cấu làm kín đầu lò quay 2, thay rô to máy búa đá 2, cải tạo mở rộng kết cấu than mịn, trung đại tu trường 1 lọc bụi khí thải đuôi lò và lọc bụi khí thừa, lắp gầu xích chuyển clinker từ silo 2 sang silo 1, lắp thêm hệ thống xả xi măng rời ở silo 2 của dây chuyền 250, Thực hiện tự động hóa trạm điện 35/6KV, mở rộng kết cấu than mịn...). đảm bảo thiết bị dây chuyền lò sau

sửa chữa hoạt động ổn định đạt năng suất, chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ.

- Đối với hai dây chuyền nghiền xi măng: Công ty chủ động cân đối sản lượng tiêu thụ để thực hiện bảo dưỡng sửa chữa theo kế hoạch (thay thế tấm lót nghiền, sửa chữa phân ly...) đảm bảo thiết bị hai dây chuyền nghiền xi măng sau sửa chữa hoạt động ổn định đạt năng suất, chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của công ty.

- Các giải pháp điều hành tiết kiệm chi phí năm 2024: Công ty tiếp tục các biện pháp cải tiến thiết bị giảm cỡ hạt nguyên vật liệu đầu vào tăng năng suất một số thiết bị chính có suất tiêu hao điện năng lớn. Điều hành duy trì năng suất thiết bị của công đoạn nghiền xi măng 55 đạt 62-66 tấn/h PCB30; nghiền xi măng 110 đạt 140-145 tấn/h PCB30, công đoạn nghiền liệu sống 2 đạt năng suất trên 160 tấn/h, huy động thiết bị hoạt động tối đa vào giờ thấp điểm và giờ bình thường, không vận hành giờ cao điểm. Để tiết kiệm đáng kể chi phí điện năng giảm giá thành sản xuất.

- Kiểm soát và khống chế kích thước nguyên vật liệu đất sét, đất cao silic đảm bảo đổ thẳng vào kho sản xuất, cắt giảm công đoạn gia công.

- Sử dụng đá vôi mỏ đá La Hiên làm phụ gia xi măng.

- Tăng cường sử dụng đá thải khánh hòa trong phối liệu sống, tiết giảm định mức tiêu hao than tiết kiệm chi phí sản xuất.

3. Dự án đầu tư thực hiện trong năm 2024

Công ty luôn ưu tiên những dự án có hiệu quả kinh tế cao và thực sự cần thiết trước. Trong năm 2024 Công ty đã triển khai thực hiện các dự án đầu tư chuyển tiếp và dự án đầu tư ghi trong kế hoạch năm, các dự án đã được triển khai và thực hiện cụ thể như sau:

3.1 Công trình khởi công mới.

3.1.1 Dự án nâng cấp hệ thống tự động hóa (DCS) dây chuyền II- Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI:

+ Đã thực hiện nâng cấp xong và bàn giao đưa vào sử dụng ngày 11/9/2024 và được phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 106/QĐ-HĐQT ngày 29/10/2024 với giá trị quyết toán: 7.906 triệu đồng.

3.1.2 Dự án đầu tư máy nén khí $\geq 30 \text{ m}^3/\text{phút}$, áp suất $\geq 7\text{bar}$:

+ Đã phê duyệt dự án tại QĐ số 50/QĐ-HĐQT ngày 10/5/2024; Tổng mức đầu tư: 3.591 triệu đồng.

+ Bàn giao đưa vào sử dụng ngày 25/11/2024 và được phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 122/QĐ-HĐQT ngày 31/12/2024 với giá trị quyết toán: 3.418 triệu đồng.

3.1.3 Dự án đầu tư Hệ thống xếp bao tự động:

+ Đã phê duyệt dự án tại Quyết định số 66/QĐ-HĐQT ngày 14/6/2024; TMĐT: 11.755 triệu đồng.

+ Dự **kiến** thực hiện hết ngày 31/12/2024 đạt 1.124 triệu đồng.

3.2. Điều tra khảo sát, quy hoạch chuẩn bị đầu tư.

3.2.1 Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ đá vôi Đồng Chuồng (điều chỉnh) - Công ty cổ phần xi măng La Hiên:

+ Trình Tổng công ty phê duyệt Đề cương, dự toán chi phí; kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh giấy phép khai thác của dự án tại Văn bản số 63/CV-HĐQT ngày 18/5/2024.

+ Quyết định số 1939/QĐ-CMV ngày 11/9/2024 phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01: Tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu.

+ Tổng Công ty đã ký hợp đồng Tư vấn lập Hồ sơ mời thầu qua mạng với Trung tâm cơ Điện mỏ ngày 25/9/2024.

Hiện tại đang Tổ chức lựa chọn nhà thầu gói Tư vấn lập hồ sơ phục vụ giai đoạn chuẩn bị điều chỉnh giấy phép khai thác của dự án mở thầu ngày 17/12/2024 và đánh giá hồ sơ đề xuất kỹ thuật qua mạng của các nhà thầu.

3.2.2 Dự án đầu tư hệ thống đóng bao năng suất ≥ 110 tấn/giờ: Công ty đã mời một số đơn vị cung cấp đến khảo sát, tư vấn, lập phương án kỹ thuật cho phù hợp hiện trạng dây chuyền của Công ty và báo giá Hệ thống đóng bao xi măng năng suất >110 tấn/giờ. Do ảnh hưởng xung đột quân sự giữa Nga-Ukraine và xung đột quân sự tại Dải Gaza làm biến động của tỷ giá USD và EUR tăng cao dẫn đến giá thiết bị tăng hơn nhiều so dự kiến. Công ty đã báo cáo Tổng công ty đã có Công văn số 2602/CMV-ĐTXD ngày 06/12/2024 điều chỉnh Tổng mức đầu tư của Dự án trong kế hoạch đầu tư năm 2024 từ 24.000 triệu đồng lên 29.820 triệu đồng. Công ty lập đề cương dự án.

3.2.3 Dự án đầu tư hệ thống phun sương dập bụi: Hiện tại đang triển khai khảo sát thực tế lập đề cương dự án.

4. Tình hình công tác quản lý kế toán, tài chính

Tuân thủ đầy đủ yêu cầu các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác kế toán - thống kê - tài chính, thực hiện hoạch toán và lập báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, năm đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp; cập nhật và áp dụng kịp thời, đúng đủ các thay đổi chế độ kế toán của Nhà nước và Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam (TKV).

Thực hành đúng các quy định trong công tác hạch toán kế toán, thực hiện tốt các quy định trong chuẩn mực kế toán. Quản lý tốt công nợ phải thu, phải trả;

thường xuyên phân tích, đánh giá tuổi nợ để có biện pháp xử lý kịp thời, hạn chế rủi ro trong công nợ.

Luôn đáp ứng đầy đủ, kịp thời nguồn vốn cho hoạt động SXKD của Công ty. Nhạy bén, linh hoạt trong công tác sử dụng vốn, nâng cao hiệu quả đồng vốn, tiết kiệm tốt chi phí lãi vay, tăng doanh thu tài chính trên 3,1 tỷ đồng. Thực hiện đúng theo qui định của Nhà nước về quản lý tài chính, hạn chế rủi ro trong kinh doanh.

Chi trả đầy đủ kịp thời tiền lương và các chế độ cho người lao động; trả cổ tức cho các cổ đông, thực hiện việc ghi bổ sung cổ phần và điều chỉnh thông tin cho phù hợp với các cổ đông chưa thực hiện lưu ký.

Thực hiện quản lý tốt tài sản, nguồn vốn của Công ty. Trả lãi vay kịp thời đúng kỳ hạn. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước; nộp BHXH-Y tế- BH thất nghiệp cho người lao động.

Các hệ số tài chính được cải thiện và đảm bảo, Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu.

5. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Thực hiện nghiêm túc theo chỉ đạo của TKV và Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP. Hiện nay Công ty đã sắp xếp, cơ cấu lại mô hình tổ chức theo đúng mô hình mẫu của Tổng Công ty ban hành gồm 6 phòng và 4 phân xưởng sản xuất.

Tình hình lao động tại Công ty:

Lao động có mặt tại thời điểm đến 31/12/2024 là 450 người.

Thu nhập bình quân là: 14,476 triệu đồng/người/tháng; Việc chi trả, phân phối tiền lương, đào tạo, nâng lương nâng bậc thực hiện đúng quy định pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

Áp dụng Quy chế quản lý lao động, tiền lương, thu hút lao động thuộc khu vực sản xuất chính và có mức độ ảnh hưởng lớn trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Người lao động có tâm huyết làm việc lâu dài tại Công ty, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao, tay nghề giỏi, chấp hành tốt các nội quy, quy chế và sự phân công của đơn vị, đạt và vượt năng suất lao động giao khoán, bảo đảm tiến độ chất lượng sản phẩm và an toàn lao động.

Tiếp tục rà soát để quản lý chặt chẽ hơn các định mức tiêu hao vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng và các chi phí khác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tiếp tục ban hành các quy chế quản lý nhằm quản lý tốt hơn và phù hợp với các quy định của pháp luật.

PHẦN THỨ HAI

NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH NĂM 2025

I. Đặc điểm tình hình:

Năm 2025 tình hình quốc tế, trong nước dự báo có những thời cơ thuận lợi, khó khăn thách thức đan xen. Trong bối cảnh, nền kinh tế đối mặt với nhiều thách thức, sức ép lạm phát lớn, giá xăng, dầu, nguyên vật liệu đầu vào biến động mạnh; ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế nước ta. Dự báo thị trường tiêu thụ xi măng năm 2025 cạnh tranh rất khốc liệt, các thị trường xuất khẩu không ổn định, tăng giảm thất thường do cung vượt cầu, khó khăn và thách thức đối với Công ty là rất lớn.

Trong bối cảnh đó đòi hỏi toàn thể cán bộ, công nhân viên và người lao động Công ty tiếp tục nỗ lực hơn nữa vượt qua khó khăn thách thức để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2025 tạo tiền đề thuận lợi cho Công ty bước vào giai đoạn phát triển mới.

II. Nhiệm vụ và các giải pháp cụ thể trong công tác điều hành:

1. Nhiệm vụ thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2025

Mục tiêu nhiệm vụ của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI là:

- Duy trì sản xuất ổn định, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm; tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp. Công tác đầu tư tiếp tục được đẩy mạnh theo hướng áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới cải tiến và hoàn thiện từng công đoạn sản xuất trong dây chuyền lò quay xi măng loại bỏ thiết bị cũ lạc hậu về kỹ thuật không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh sản phẩm đảm bảo tăng trưởng hợp lý, bền vững.

Bám sát các chỉ tiêu kinh tế mà ĐHĐCĐ đề ra, giao kế hoạch cụ thể cho các phòng ban phân xưởng theo từng tháng, quý để đảm bảo hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu đó được tốt nhất và mang lại hiệu quả cao nhất, cụ thể:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Ghi chú
A	Chỉ tiêu hiện vật			
I	Sản lượng sản xuất	Tấn	630.000	
1	Xi măng	“	610.000	
2	Clinker thương phẩm	“	20.000	
II	Sản lượng tiêu thụ	“	630.000	
1	Xi măng	“	610.000	
2	Clinker thương phẩm	“	20.000	
B	Doanh thu, Thu nhập khác	Tr.đ	605.382	

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Ghi chú
1	Xi măng, Clinker thương phẩm	Tr.đ	599.504	
2	Doanh thu khác, doanh thu tài chính và thu nhập khác	Tr.đ	5.878	
C	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	30.000	
D	Cổ tức %VĐL	%	12	
E	Nộp ngân sách nhà nước	Tr.đ	31.194	
F	Lao động và tiền lương			
1	Lao động định mức	Người	459	
2	Tiền lương bình quân	1000 đ/ng/th	10.942	

2. Nhiệm vụ thực hiện công tác đầu tư xây dựng 2025

Mục tiêu trong công tác đầu tư xây dựng của Công ty là huy động và sử dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn vốn đầu tư, khai thác tối đa các nguồn lực để đầu tư hiệu quả. Đầu tư theo kế hoạch, thiết kế được duyệt đảm bảo cho dự án công trình bền vững, an toàn và hiệu quả, bảo vệ môi trường sinh thái. Thực hiện các bước công việc từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, đưa dự án vào khai thác sử dụng phải tuân thủ đúng pháp luật và các quy định hiện hành của nhà nước.

Kế hoạch ĐTXD năm 2025: Tổng giá trị đầu tư ước tính bao gồm các hạng mục, dự án chủ yếu như:

Stt	Công trình/Dự án	ĐVT	Số lượng	Tổng mức đầu tư (tr.đồng)	Kế hoạch tạm giao		Dự kiến thực hiện năm 2025 (tr.đồng)
					Giá trị (tr.đồng)	Tỷ lệ so TMDT (tr.đồng)	
I	Công trình chuyển tiếp			11.756	10.599	90,16%	10.599
	Dự án đầu tư Hệ thống xếp bao tự động	HT	1	11.756	10.599	90,16%	10.599
II	Công trình khởi công mới						
III	Chuẩn bị đầu tư			96.756	966	1,00%	966
1	Dự án đầu tư xây dựng hàng rào khu phía Đông Nam	m	558	6.590	200	3,03%	200
2	Dự án cải tạo hệ thống lọc bụi tĩnh điện công đoạn nghiền liệu	HT	1	30.526	350	1,15%	350

Stt	Công trình/Dự án	ĐVT	Số lượng	Tổng mức đầu tư (tr.đồng)	Kế hoạch tạm giao		Dự kiến thực hiện năm 2025 (tr.đồng)
					Giá trị (tr.đồng)	Tỷ lệ so TMBT (tr.đồng)	
3	Dự án đầu tư hệ thống đóng bao năng suất ≥ 110 tấn/h	HT	1	29.820	316	1,06%	316
4	Dự án đầu tư hệ thống đóng bao năng suất ≥ 110 tấn/h số 2	HT	1	29.820	100	0,34%	100
IV	Dự phòng			42.478	6.599	15,54%	6.599
1	Dự án đầu tư hệ thống đóng bao năng suất ≥ 110 tấn/h	HT	1	29.820	2.500	8,38%	2.500
2	Dự án đầu tư hệ thống phụ sương dập bụi	HT	1	1.800	170	9,44%	170
3	Dự án đầu tư xây dựng hàng rào khu phía Đông Nam	m	558	6.590	3.504	53,17%	3.504
4	Dự án đầu tư máy xúc thủy lực gầu ngược, dung tích gầu $\geq 1,4m^3$	cái	1	4.268	425	9,96%	425
	Tổng cộng			114.580	18.164	15,85%	18.164

*** Ghi chú:** (1) Do các bước trình duyệt dự án theo quy định hiện hành phải thực hiện qua nhiều bước, phụ thuộc vào nhiều yếu tố vì vậy Kế hoạch ĐTXD năm 2025 giao là **18.164 triệu đồng** với tỷ lệ Kế hoạch ĐTXD so với Tổng mức đầu tư phù hợp với từng Công trình/Dự án. Khi các Công trình/Dự án chuyển bước từ Kế hoạch dự phòng lên Kế hoạch chính thức thì sẽ điều chỉnh giá trị tương ứng với Tổng mức đầu tư được duyệt trên cơ sở tiến độ đầu tư.

3. Về các giải pháp cụ thể trong công tác điều hành

- Bám sát các chỉ tiêu trong kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025 mà ĐHĐCĐ đã thông qua và HĐQT triển khai thực hiện theo từng quý để đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra.

- Kiểm soát thường xuyên tình trạng hoạt động của thiết bị, Đưa ra kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa định kỳ thiết bị dây chuyền sản xuất khắc phục tối đa những sự cố thiết bị dây chuyền, trọng tâm là sửa chữa lớn các hạng mục như: Thay thế đoạn thân vỏ lò (dài 23,9m), Thay thế vòi đốt, ghi lạnh; tháp trao đổi nhiệt; Lò quay; nâng cấp hệ thống cân bằng phối liệu; thay thế thiết bị đo đếm có độ ổn định chính xác... đảm bảo điều kiện tốt nhất cho dây chuyền hoạt động tối đa cho sản xuất.

- Thực hiện tốt công tác chuẩn bị trước khi thực hiện sửa chữa theo kế hoạch.

- Tiếp tục nghiên cứu cải tạo thay thế thiết bị dây chuyền 2 như: Tháp trao đổi nhiệt, Quạt nhiệt độ cao, quạt thải sau, Nghiền liệu sống, nghiền than để nâng công suất, chất lượng clinker.

- Tìm mọi giải pháp về kỹ thuật, công nghệ, sử dụng hợp lý phụ gia trợ nghiền để tăng tỷ lệ pha phụ gia trong xi măng; Chủ động sử dụng có hiệu quả đá thải Khánh Hòa; Tăng cường sử dụng nguồn nguyên liệu mới để giảm định mức tiêu hao NVL, nhiên liệu giảm giá thành sản xuất.

- Xây dựng đội ngũ làm công tác thị trường vừa có chuyên môn vừa có kinh nghiệm trong việc thăm dò thị trường, hiểu biết về thị trường và nhu cầu tiêu dùng.

- Tiếp tục nghiên cứu đề xuất cơ chế chính sách phù hợp để tiếp tục nâng cao sản lượng tiêu thụ tại các thị trường truyền thống (Thái nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng...), đẩy mạnh hơn nữa các kênh tiếp thị để mở rộng thị trường, thực hiện tốt công tác chăm sóc khách hàng để tăng sản lượng tiêu thụ.

- Tiếp tục phát triển mở rộng thêm thị trường tiêu thụ xi măng rời PCB40 cho các trạm trộn bê tông tươi.

- Tăng cường công tác thu hồi công nợ, Trọng tâm giảm tuổi nợ, xử lý nợ khó đòi; tổ chức tốt mạng lưới tiếp thị quảng bá sản phẩm, hội nghị tri ân khách hàng, phân công chi tiết các khu vực quản lý, thường xuyên nắm bắt tình hình thị trường, thực hiện đối chiếu công nợ với khách hàng.

- Quản lý tốt công tác khoán quản trị, giao chỉ phí sản xuất chặt chẽ, sát với tình hình thực tế đảm bảo cụ thể, hiệu quả phù hợp giá thành sản xuất. Cung ứng kịp thời, đầy đủ về chủng loại, đảm bảo chất lượng, hợp lý về giá cả vật tư phụ tùng phục vụ sản xuất, có kế hoạch dự trữ vật tư cho SXKD hợp lý giúp quản lý tốt chỉ tiêu tồn kho vật tư, tiết kiệm chi phí sử dụng vốn kinh doanh.

- Luôn đáp ứng đầy đủ, kịp thời nguồn vốn cho hoạt động SXKD của Công ty. Nhạy bén, linh hoạt trong công tác sử dụng vốn, nâng cao hiệu quả đồng vốn. Thực hiện đúng theo qui định của Nhà nước về quản lý tài chính, hạn chế rủi ro trong kinh doanh.

- Quan tâm cải thiện môi trường làm việc cho người lao động, lắp đặt thêm lọc bụi tại những điểm phát sinh bụi như: Chân gầu nâng tuần hoàn nghiền xi măng, gầu nâng đóng bao, băng tải chuyên hướng bao, hệ thống băng tải xuất bao...

- Cải tạo sửa chữa hệ thống nhà kho chứa nguyên vật liệu, sửa chữa mặt bằng, đường giao thông nội bộ luôn đảm bảo thông thoáng sạch sẽ thuận tiện, phun nước tưới rửa đường giảm thiểu bụi phát sinh.

- Trong các năm tới số lượng lao động có độ tuổi nghỉ chế độ sẽ nhiều, để đáp ứng nguồn nhân lực thay thế, bắt đầu năm 2025 cho tuyển dụng dần số công nhân kỹ thuật để đáp ứng nhu cầu lao động.

- Tiếp tục đào tạo, bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Chỉ đạo rà soát, bổ sung, sửa đổi, ban hành các quy chế, quy định trong quản lý phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty; cũng như phù hợp với các qui định hiện hành của nhà nước; tăng cường trách nhiệm của bộ máy điều hành.

- Nâng cao vai trò trách nhiệm lãnh đạo của hệ thống chính trị, thực hiện tốt các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, công tác xây dựng Đảng, nêu cao tinh thần gương mẫu của các cán bộ đứng đầu với sự phân công cụ thể ở từng đơn vị trong mỗi lĩnh vực. Phát huy tinh thần đoàn kết một lòng tạo nên sức mạnh tập thể. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở. Phát huy tinh thần đoàn kết một lòng tạo nên sức mạnh tập thể cùng góp phần xây dựng Công ty ngày càng phát triển bền vững

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo hoạt động SXKD năm 2025 và phương hướng, biện pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025 của Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI kính trình Đại hội.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;BKS;
- Đăng tải trên Website Công ty;
- Lưu VT; Thư ký HĐQT.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Trần Quang Khải

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ vào theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về nội dung báo cáo của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng Cổ đông;

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty xin báo cáo ĐHĐCĐ kết quả hoạt động của HĐQT năm 2024, phương hướng hoạt động năm 2025 như sau:

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi:

Ưu thế về chất lượng sản phẩm và thương hiệu xi măng La Hiên trong 30 năm qua vẫn được duy trì và phát triển, uy tín sử dụng tại các tỉnh khu vực phía Bắc, sản phẩm phù hợp với các công trình dân dụng nhất là sản phẩm xi măng PCB30 được nhiều người tin dùng do vậy đã mang lại hiệu quả cao cho Công ty.

2. Khó khăn:

Năm 2024, kinh tế toàn cầu phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như: Xung đột giữa Nga - Ukraine vẫn tiếp diễn, trong khi xung đột mới bùng phát ở Trung Đông trong các tháng cuối năm 2024; tình trạng thời tiết cực đoan diễn ra ở nhiều nơi, hạn hán kéo dài trên phạm vi rộng, bão lũ, thiên tai ở nhiều quốc gia làm cho sản xuất và tiêu dùng mất cân đối.

Năm 2024 là năm khó khăn của ngành xi măng Việt Nam, đến từ nội tại ngành do nguồn cung vượt quá so với nhu cầu (tổng công suất lên đến 122 triệu tấn/năm. Chỉ khoảng 59 triệu tấn được tiêu thụ nội địa) dẫn đến lượng tồn kho ngày càng tăng, gây áp lực lớn cho các nhà sản xuất; thị trường xuất khẩu xi măng gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng của yếu tố bên ngoài như: Thuế xuất khẩu clinker tăng từ 5% lên 10%, cùng với các tiêu chuẩn môi trường ngày càng khắt khe tại thị trường quốc tế, đã làm giảm khả năng cạnh tranh của xi măng Việt Nam. Các doanh nghiệp xi măng đang nỗ lực tái cấu trúc, hướng tới sản xuất xanh, tiết kiệm tài nguyên, hy vọng năm mới 2025, bức tranh có thêm nhiều gam màu tươi sáng hơn.

Bên cạnh đó, các yếu tố bất khả kháng liên quan đến giá nguyên, nhiên, vật liệu đầu vào phục vụ cho sản xuất xi măng, mặc dù đã giảm, nhưng vẫn ở mức cao. Giai đoạn này, ngành xi măng đang chịu áp lực lớn, khi khả năng hấp thụ xi măng của nền kinh tế trong nước kém. Giá điện, than và các nguyên nhiên liệu đầu vào cho

sản xuất đều tăng.

Với lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là sản xuất xi măng, clinker phục vụ cho xây dựng, doanh thu của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp của tốc độ tăng trưởng kinh tế. Khi nền kinh tế phát triển nhanh, mạnh sẽ kéo theo việc đẩy mạnh mở rộng đầu tư xây dựng và ngược lại.

Theo các yếu tố ảnh hưởng trên, xi măng La Hiên cũng không thể nằm ngoài những tác động ảnh hưởng đó và cũng sẽ là nhân tố ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh tại Công ty.

B. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA HĐQT

I. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HĐQT trong năm 2024:

Năm 2024 nhận thức rõ được những thuận lợi, khó khăn và thách thức trong thực hiện những mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Đại hội đồng Cổ đông giao cho như: Xung đột giữa quân sự ở một số quốc gia vẫn tiếp diễn; tình trạng thời tiết cực đoan diễn ra ở nhiều nơi, hạn hán kéo dài trên phạm vi rộng, bão lũ, thiên tai... làm cho sản xuất và tiêu dùng mất cân đối. Môi trường kinh doanh của công ty chịu sự cạnh tranh khốc liệt, thị trường diễn biến phức tạp, sản phẩm xi măng trên thị trường dư thừa nhiều do cung vượt cầu; thiết bị sản xuất xi măng có công suất nhỏ, tiêu tốn nhiều năng lượng, thiết bị sau nhiều năm hoạt động đã xuống cấp hư hỏng nhiều...

Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị đã kịp thời đưa ra những quyết sách có tính chất định hướng chiến lược cho Công ty nhằm vượt qua khó khăn, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo công ty đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, có tinh thần đoàn kết, trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau và vì lợi ích của cổ đông, vì sự phát triển ổn định của Công ty.

Hội đồng quản trị, giám sát Ban lãnh đạo điều hành thông qua việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong các nghị quyết. Trong năm 2024 Ban điều hành Công ty đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ được quy định tại điều lệ Công ty, thường xuyên bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban điều hành đã tìm nhiều giải pháp khắc phục khó khăn, sát sao trong điều hành sản xuất, tìm nhiều giải pháp để tiết kiệm chi phí, kết quả năm 2024 nhiều chỉ tiêu không đạt so với kế hoạch đã đề ra như: Sản lượng, doanh thu, tuy nhiên với sự phấn đấu nỗ lực của tập thể cán bộ, công nhân viên Công ty đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu quan trọng nhất đó là lợi nhuận đạt 48.504,79 trđ/40.000 tr.đồng = 121,26% mà Đại hội đồng Cổ đông đề ra và dự kiến chi trả cổ tức cho cổ đông cao hơn so với Nghị quyết đại hội.

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMi về cơ bản đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao, hoạt động tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Hiệu quả hoạt động của Công ty luôn duy trì tăng trưởng hàng năm, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính như lợi nhuận và cổ tức đều hoàn thành và có mức tăng so với kế hoạch được Đại hội đồng Cổ đông thông qua, nguồn vốn được bảo toàn và phát triển. Tất cả các hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMi được thực hiện theo quy định của Điều lệ, các quy chế của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

1. Về công tác tổ chức và hoạt động của HĐQT:

Cơ cấu Hội đồng quản trị Công ty năm 2024 gồm 5 thành viên:

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Vũ Minh Tân	Chủ tịch HĐQT
2	Trần Quang Khải	Thành viên HĐQT
3	Hà Văn Chuyên	Thành viên HĐQT
4	Phạm Mạnh Tiến	Thành viên HĐQT
5	Nguyễn Xuân Hậu	Thành viên HĐQT

Định kỳ Hội đồng quản trị (HĐQT) đã tổ chức các phiên họp, nội dung các cuộc họp của HĐQT đều được cụ thể hóa bằng các biên bản và Nghị quyết. Các thành viên Ban Kiểm soát cũng được mời tham gia và đóng góp ý kiến tại tất cả các phiên họp của HĐQT. Các quyết nghị, chỉ đạo, định hướng của HĐQT được ban hành kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Công ty, tạo điều kiện để Ban điều hành chủ động hơn trong việc tổ chức triển khai thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm qua.

2. Về tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và các quyết sách lớn của HĐQT công ty trong năm 2024:

Trong năm 2024, HĐQT đã triệu tập và tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 dưới hình thức họp trực tiếp. Việc triệu tập, tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông tuân thủ theo đúng quy định pháp luật và điều lệ Công ty. Về cơ bản HĐQT đã quản lý, chỉ đạo Ban điều hành hoàn thành tốt các chỉ tiêu do Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện tốt và thể hiện rõ vai trò là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền và nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng quản trị đã thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, thực hiện việc tổ chức quản lý chặt chẽ đảm bảo lợi ích cho Công ty và các cổ đông.

Ngoài các cuộc họp trên, HĐQT còn thường xuyên phối hợp với Ban Giám đốc Công ty để nắm bắt kịp thời tình hình đầu tư, sản xuất, kinh doanh nhằm đề ra các giải pháp cấp thiết để hoạt động của Công ty không bị đình trệ, hoạt động có hiệu quả hơn trước những khó khăn bất ổn trong kinh tế của cả nước, đặc biệt là những khó khăn trong ngành. Nhờ đó, trong năm 2024 Công ty hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận mà Đại hội đồng Cổ đông đề ra. Được nằm trong nhóm đơn vị sản xuất kinh doanh ổn định, sử dụng đồng vốn hợp lý có hiệu quả, có uy tín trên thị trường.

Chỉ đạo tốt việc ban hành các quy chế phục vụ cho công tác quản lý điều hành và đưa ra các chủ trương, định hướng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các nội dung nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đều được Công ty thể

hiện đầy đủ tại báo cáo tình hình quản trị, báo cáo thường niên hàng năm và công bố thông tin theo quy định.

3. Công tác giám sát đối với Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý:

Trong năm 2024 Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò giám sát đối với Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý thuộc diện HĐQT quản lý; hàng năm HĐQT đã thực hiện kiểm điểm đánh giá và xếp loại cán bộ quản lý.

Trong năm qua bộ máy điều hành đã bám sát nhiệm vụ theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại Đại hội và các nghị quyết triển khai của HĐQT nên đã điều hành và chỉ đạo các phòng ban; phân xưởng thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh nên đã đạt được kết quả lợi nhuận năm 2024 cao hơn kế hoạch đã đề ra (48.504,79 trđ/40.000 tr.đồng = 121,26%).

4. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính đạt được:

Để thực hiện các nghị quyết của HĐQT, Ban lãnh đạo điều hành đã đề ra các giải pháp phù hợp với thực tế sản xuất, tiêu thụ từng thời điểm, từng khu vực khác nhau. Kết quả thực hiện chỉ tiêu SXKD chính năm 2024 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2023	KH năm 2024	Thực hiện năm 2024	% TH 2024/2023	% TH/KH
A	Chỉ tiêu hiện vật						
I	Sản lượng sản xuất	Tấn	628.999,04	670.000	659.476,47	104,85	98,43
1	Xi măng	Tấn	606.723,43	650.000	644.924,11	106,30	99,22
2	Clinker thương phẩm	Tấn	22.275,61	20.000	14.552,36	65,33	72,76
II	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	628.999,04	670.000	659.476,47	104,85	98,43
-	Xi măng	Tấn	606.723,43	650.000	644.924,11	106,30	99,22
-	Clinker thương phẩm	Tấn	22.275,61	20.000	14.552,36	65,33	72,76
B	Doanh thu, thu nhập khác	Tr.đ	665.008,99	680.631,66	666.046,34	100,16	97,86
-	Xi măng	Tr.đ	642.669,76	661.359,17	649.098,63	101,00	98,15
-	Clinker thương phẩm	Tr.đ	16.009,52	13.272,73	9.705,50	60,62	73,12
-	Doanh thu, thu nhập khác	Tr.đ	6.329,71	5.999,76	7.242,21	114,42	120,71
C	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	60.232,92	40.000	48.504,79	80,53	121,26
D	Cổ tức (dự kiến)	%	26	15	23	88,46	153,33
G	Nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đ	40.650,03	33.523	36.025	88,62	107,46
E	Lao động và thu nhập						
1	Lao động bình quân	Người	524	505	475	90,65	94,06
2	Tiền lương bq theo LĐ bình quân	Đ/n/th	12.740.300	11.221.000	14.476.354	113,63	129,01

5. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT:

Nhằm đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, đối với việc quản trị, điều hành quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong nhiệm kỳ qua Công ty đã chi trả tiền lương, thưởng, thù lao cho các thành viên HĐQT, theo đúng nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

II. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HĐQT trong năm 2024 và định hướng hoạt động trong năm 2025:

Hội đồng quản trị xin báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT trong năm 2024 và định hướng hoạt động của HĐQT năm 2025 như sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị:

a) Thực hiện chi trả thù lao và tiền thưởng cho các Thành viên HĐQT năm 2023 theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 với biểu chi tiết sau:

DVT: Đồng

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
1	Vũ Minh Tân	CT HĐQT		75.184.200	75.184.200
2	Trần Quang Khải	TV HĐQT	53.352.000	74.880.000	128.232.000
3	Hà Văn Chuyển	TV HĐQT		84.240.000	84.240.000
4	Phạm Mạnh Tiến	TV HĐQT	46.800.000	56.160.000	102.960.000
5	Nguyễn Xuân Hậu	TV HĐQT		63.180.000	63.180.000
	Tổng cộng:		100.152.000	353.644.200	453.796.200

b) Thực hiện chi trả thù lao năm 2024 như sau:

Việc chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT được chi trả theo hình thức tạm ứng hàng tháng với mức 80% mức chi trả theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường năm 2024; sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua mức chi trả tiền thù lao và tiền thưởng cho các thành viên HĐQT năm 2024; thì HĐQT công ty căn cứ để thực hiện chi trả.

Trong năm 2024 các thành viên HĐQT đã được tạm ứng thù lao như sau:

DVT: Đồng

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
1	Vũ Minh Tân	CT HĐQT		45.696.000	45.696.000
2	Trần Quang Khải	TV HĐQT		38.400.000	38.400.000
3	Hà Văn Chuyển	TV HĐQT		38.400.000	38.400.000
4	Phạm Mạnh Tiến	TV HĐQT		38.400.000	38.400.000
5	Nguyễn Xuân Hậu	TV HĐQT		38.400.000	38.400.000
	Tổng cộng			199.296.000	199.296.000

2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2024 Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 09 phiên họp trực tiếp, 15 phiên họp gián tiếp (bằng hình thức xin ý kiến); đã ban hành 127 nghị quyết, quyết định về các vấn đề chiến lược, các quyết định quan trọng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của công ty thuộc phạm vi thẩm quyền của

HĐQT. Các phiên họp đều có sự tham dự họp và đóng góp ý kiến của Ban Kiểm soát, Ban giám đốc Công ty.

Các cuộc họp của HĐQT đã thực hiện theo đúng điều lệ; thành phần tham dự họp HĐQT được tham dự đầy đủ; tài liệu cung cấp cho các thành viên HĐQT được cung cấp đầy đủ và đúng thời gian quy định; các thành viên HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền hạn của mình trong việc biểu quyết thông qua các vấn đề trong nghị quyết cuộc họp.

3. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Trong năm 2024 Công ty có thực hiện việc ký kết các hợp đồng giao dịch với các bên liên quan như sau:

Số TT	Số hợp đồng	Ngày ký	Tên đơn vị	Hàng hóa	Giá trị hợp đồng (VNĐ)	Giá trị thực hiện năm 2024 (VNĐ)
1	Hợp đồng số 295/HĐ/TKV-XMLH	29/12/23	Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	Mua bán than năm 2024	92.655.000.000	54.123.974.483
	Hợp đồng số 167/HĐ/TKV-XMLH	17/07/24	Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản VN	Mua bán than năm 2024	82.360.000.000	75.269.773.859
2	Hợp đồng số 02/HĐMB-KHVT-XMLH	02/01/24	Công ty than Khánh Hòa VVMI	Mua bán đá thải sau sàng	2.548.935.000	2.185.823.700
3	Hợp đồng số 431/HĐKT-KHVT	28/12/2023	Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	Cung cấp vỏ bao năm 2024	19.322.115.255	14.645.766.000
	Hợp đồng số 192/HĐKT-KHVT	25/6/2024	Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	Cung cấp vỏ bao năm 2024	20.732.800.000	20.991.437.500
4	162/HĐCCDV-KHVT	30/05/24	Trung tâm điều dưỡng Ngành than VVMI	Cung cấp dịch vụ tổ chức hội nghị khách hàng tại Sầm Sơn – Thanh Hóa	967.920.000	959.040.000
5	140/HĐKT-KHVT	13/05/24	Công ty cổ phần khách sạn Thái Nguyên VVMI	Cung cấp dịch vụ: Tham quan nghỉ mát tại Quảng Ninh năm 2024	1.230.500.000	1.166.300.000

Số TT	Số hợp đồng	Ngày ký	Tên đơn vị	Hàng hóa	Giá trị hợp đồng (VNĐ)	Giá trị thực hiện năm 2024 (VNĐ)
6	202/HĐKT-KHVT	03/07/24	Công ty cổ phần Cơ khí mô Việt Bắc VVMI	Dịch vụ sửa chữa trung đại tu thiết bị động cơ máy xúc Hyundai 450LC-7	450324194	217.118.657
7	Hợp đồng số 366/HĐKT-KHVT	26/10/2024	Công ty cổ phần Cơ khí và TB áp lực VVMI	Cung cấp và lắp đặt hệ thống xếp bao tự động	10.409.090.909	10.409.090.909
8	Hợp đồng số 375/HĐKT-KHVT	30/10/24	Công ty cổ phần Cơ khí và TB áp lực VVMI	Cung cấp vật tư sửa chữa kho xuất bao	444.429.000	444.429.000
9	Hợp đồng số 394/HĐKT-KHVT	12/11/24	Công ty cổ phần Cơ khí và TB áp lực VVMI	cung cấp vật tư phục vụ sửa chữa năm 2024	447.476.500	445.721.000

4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Công ty có 01 thành viên HĐQT độc lập; thành viên HĐQT độc lập đã đứng vai trò độc lập trong việc tham gia biểu quyết các nghị quyết của HĐQT; bảo vệ quyền lợi và lợi ích của các cổ đông đặc biệt là lợi ích của cổ đông nhỏ lẻ; giám sát việc thực hiện quy chế trả lương; các hợp đồng với đối tượng liên quan; giám sát việc ban hành các quy chế hoạt động của công ty; năm 2024 thành viên HĐQT độc lập đánh giá HĐQT công ty đã đoàn kết tốt; sát sao trong việc lãnh đạo và chỉ đạo bộ máy điều hành biết tận dụng cơ hội trong kinh doanh, tiết kiệm chi phí; hoạt động sản xuất kinh doanh đạt kết quả tốt.

5. Kết quả hoạt động của từng thành viên HĐQT:

Nhìn chung năm 2024, Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ đã được quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành. Hội đồng quản trị đã thể hiện rõ vai trò của mình, luôn cố gắng hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được phân công; đoàn kết, hợp tác giúp đỡ nhau cùng hoàn thành nhiệm vụ và xây dựng Công ty ngày càng phát triển vững mạnh, cụ thể như sau:

5.1. Ông Vũ Minh Tân - Chủ tịch HĐQT:

Là người đứng đầu và chịu trách nhiệm chung về mọi hoạt động của Công ty, chỉ đạo việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của HĐQT quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành của

pháp luật, Quy chế hoạt động của HĐQT và tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT;

Luôn chủ trì phân công các uỷ viên HĐQT chuẩn bị nội dung họp và kết luận về những nội dung thảo luận trong phiên họp HĐQT, xem xét kiến nghị của Ban Kiểm soát công ty và giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT; việc xây dựng chủ trương, định hướng chiến lược, quy hoạch phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm; chương trình đầu tư các dự án, phương án điều chỉnh vốn và các nguồn lực, phương án tổ chức sản xuất của Công ty;

Luôn sát sao theo dõi, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ giữa hai kỳ họp HĐQT, theo dõi, giám sát công tác cán bộ thuộc thẩm quyền của Giám đốc công ty và các công việc khác trong hoạt động SXKD thuộc chức năng của HĐQT.

Với vai trò là Chủ tịch HĐQT ông Vũ Minh Tân đã luôn thể hiện rất tốt trách nhiệm của mình trong việc thực thi nhiệm vụ góp phần thực hiện kế hoạch SXKD đạt vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận mà Đại hội đồng Cổ đông đã đề ra.

Trong năm 2024 Ông Vũ Minh Tân đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

5.2. Ông Trần Quang Khải - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty

Là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật Nhà nước về quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, theo Điều lệ của công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước, tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT.

Trực tiếp chỉ đạo công tác tổ chức sản xuất, công tác quản lý mua bán vật tư, công tác an toàn-vệ sinh lao động, an ninh trật tự, bảo vệ tài nguyên gianh giới mở và công tác môi trường của công ty. Thực hiện nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty, đề xuất mức và phương án trả cổ tức, đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.

Ông Trần Quang Khải luôn thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm của mình trong thực thi nhiệm vụ. Là một lãnh đạo năng động, nhiệt tình, dám nghĩ, dám làm và đưa ra nhiều quyết sách, những giải pháp đột phá nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động SXKD và đã đạt được kết quả đáng khích lệ.

Với vai trò là Giám đốc điều hành ông Trần Quang Khải đã luôn thể hiện rất tốt trách nhiệm của mình trong việc thực thi nhiệm vụ góp phần thực hiện kế hoạch SXKD đạt vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận mà Đại hội đồng Cổ đông đã đề ra.

Trong năm 2024 Ông Trần Quang Khải đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

5.3. Ông Hà Văn Chuyển – Thành viên HĐQT.

Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm của Thành viên HĐQT được quy định trong Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Chủ trì giúp Hội đồng quản trị giám sát, quản lý, bao gồm nhưng không giới hạn các lĩnh vực sau: Công tác cơ điện, công tác an toàn - vệ sinh lao động; thẩm định các dự án đầu tư; các hợp đồng mua bán vật tư; mua bán tài sản;

Với nhiệm vụ phân công Ông Hà Văn Chuyển luôn thể hiện, vai trò, trách nhiệm của mình; trong các cuộc họp đã luôn đưa ra những đề xuất, giải pháp trong thiết thực trong việc thực hiện các nghị quyết và công tác điều hành, quản lý của Công ty góp phần thực hiện tốt kế hoạch điều hành sản xuất kinh doanh, đạt vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận mà Đại hội đồng Cổ đông đã đề ra.

Trong năm 2024 Ông Hà Văn Chuyển đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

5.3. Ông Phạm Mạnh Tiến - Thành viên HĐQT

Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm của Thành viên HĐQT được quy định trong Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Chủ trì giúp Hội đồng quản trị giám sát, quản lý, bao gồm nhưng không giới hạn các lĩnh vực: Công tác tiêu thụ sản phẩm; công tác thu hồi công nợ sau bán hàng; công tác theo dõi, nghiên cứu, mở rộng phát triển thị trường; công tác xây dựng và phát triển thương hiệu của Công ty;

Với chức năng, nhiệm vụ được phân công luôn theo dõi sát sao công tác các lĩnh vực được phân công, với tinh thần trách nhiệm cao, năng động, nhạy bén trong điều hành, phối hợp với các phòng ban chức năng đảm bảo tốt công tác bán hàng và thu hồi công nợ; thận trọng trong xây dựng điều hành việc thực hiện kế hoạch SXKD, các quy chế quản lý và các lĩnh vực khác trong hoạt động của Công ty, góp phần tích cực thực hiện tốt kế hoạch điều hành sản xuất, nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty, đạt vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận mà Đại hội đồng Cổ đông đã đề ra.

Trong năm 2024 Ông Phạm Mạnh Tiến đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

5.5. Ông Nguyễn Xuân Hậu - Thành viên HĐQT:

Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm của Thành viên HĐQT được quy định trong Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Chủ trì giúp Hội đồng quản trị giám sát, quản lý, bao gồm nhưng không giới hạn các lĩnh vực sau: Công tác kiểm soát nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh; công tác khoán quản trị chi phí; giám sát việc sử dụng vốn, hiệu quả sử dụng vốn trong sản xuất kinh doanh; thẩm định, đề xuất các lĩnh vực liên quan đến nguồn vốn, tín dụng; thẩm định về tính pháp lý trong việc sửa đổi hoặc biên soạn mới Điều lệ; các quy chế quản lý trong công ty và thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị phân công.

Với chức năng, nhiệm vụ được phân công luôn theo dõi sát sao việc thẩm định về tính pháp lý trong việc sửa đổi hoặc biên soạn mới Điều lệ; các quy chế quản lý trong công ty, công tác tài chính đảm bảo thực hiện đúng, đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và đúng quy định của pháp luật. Đề xuất các lĩnh vực liên quan đến nguồn vốn, tín dụng, kiểm tra giám sát việc sử dụng vốn góp phần nâng cao hiệu quả sử

dụng vốn trong sản xuất kinh doanh nhằm tiết kiệm nhất chi phí hoạt động tài chính của Công ty. Tham gia chỉ đạo xây dựng chiến lược phát triển Công ty và các nhiệm vụ khác của HĐQT.

Ông Nguyễn Xuân Hậu luôn thể hiện cao vai trò, trách nhiệm của mình, trong các cuộc họp đã luôn đưa ra những quan điểm, đề xuất, đóng góp ý kiến trong việc thực hiện các nghị quyết và công tác điều hành, quản lý của Công ty góp phần thực hiện tốt kế hoạch điều hành sản xuất của Công ty, thực hiện đạt vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận mà Đại hội đồng Cổ đông đã đề ra.

Trong năm 2024 Ông Nguyễn Xuân Hậu đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

6. Kết quả giám sát đối với Giám đốc Công ty và người điều hành khác.

Trong năm 2024 Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò giám sát đối với Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý thuộc diện HĐQT quản lý; hàng năm HĐQT đã thực hiện kiểm điểm đánh giá và xếp loại cán bộ quản lý kết quả cụ thể như sau:

Bảng xếp loại Ban Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý năm 2024:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Xếp loại năm 2024
1	Trần Quang Khải	Giám đốc	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
2	Tổng Thanh Sơn	Phó giám đốc	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
3	Nguyễn Thanh Trường	Phó giám đốc	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
4	Phạm Mạnh Tiến	Phó giám đốc	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
5	Nguyễn Thị Thu Hoài	Kế toán trưởng	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

*** Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.**

- Ban giám đốc Công ty đã thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban để nắm bắt, trao đổi tình hình hoạt động trong SXKD nhằm đưa ra các giải pháp khắc phục, thực hiện kịp thời.

- Giao kế hoạch SXKD cho các bộ phận theo tháng, quý nhằm kịp thời khắc phục những sai lệch và có cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu.

- Quản lý và sử dụng vốn linh hoạt, tiết kiệm tốt các chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Quản lý tốt hệ thống chất lượng, đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định và có uy tín trên thị trường.

- Mạnh dạn, đột phá trong khâu chỉ đạo áp dụng các giải pháp kỹ thuật công nghệ mới và đã thu được những thành công nhất định, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất của Công ty.

Có thể nói đây tiếp tục là một năm ban điều hành Công ty hoạt động rất tích cực; với tinh thần đồng tâm, đoàn kết làm việc với trách nhiệm cao lên, năm qua Công ty tiếp tục gặt hái được thành công.

7. Kế hoạch năm 2025:

Năm 2025 dự báo tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Tăng trưởng kinh tế, thương mại quốc tế tiếp tục biến động; bảo hộ thương mại gia tăng; cạnh tranh giữa các nước lớn và xung đột ở nhiều nơi gay gắt. Các thách thức an ninh phi truyền thống, nhất là thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, an toàn thông tin, an ninh mạng và tội phạm ngày càng gia tăng...

Năm 2025 dự báo thị trường tiêu thụ xi măng vẫn cạnh tranh khốc liệt và có những diễn biến thay đổi khó lường, khó khăn và thách thức đối với Công ty còn lớn. Đánh giá được những thuận lợi, khó khăn trên HĐQT, Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh và một số định hướng cần tiếp tục phải được thực hiện trong năm 2025 như sau:

a. Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2025:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Ghi chú
A	Chỉ tiêu hiện vật			
I	Sản lượng sản xuất	Tấn	630.000	
1	Xi măng	Tấn	610.000	
2	Clinker thương phẩm	Tấn	20.000	
II	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	630.000	
1	Xi măng	Tấn	610.000	
2	Clinker thương phẩm	Tấn	20.000	
B	Doanh thu, Thu nhập khác	Tr.đ	605.381	
1	Xi măng, Clinker thương phẩm	Tr.đ	599.503	
2	Doanh thu và thu nhập khác	Tr.đ	5.878	
C	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	30.000	
D	Cổ tức	%	12,00	
G	Nộp NS nhà nước	Tr.đ	31.194	
E	Lao động và tiền lương			
1	Lao động định mức	Người	459	
2	Tiền lương bình quân	1000 đ/ng/tháng	10.942	

b. Công tác đầu tư xây dựng:

Mục tiêu trong công tác đầu tư xây dựng của Công ty là huy động và sử dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn vốn đầu tư, khai thác tối đa các nguồn lực để đầu tư hiệu quả. Đầu tư theo kế hoạch, thiết kế được duyệt đảm bảo cho dự án công trình bền vững, an toàn và hiệu quả, bảo vệ môi trường sinh thái. Thực hiện các bước công việc từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, đưa dự án vào khai thác sử dụng phải tuân thủ đúng pháp luật và các quy định hiện hành của nhà nước.

Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025: Tổng giá trị đầu tư ước tính: **18.164** triệu đồng bao gồm các hạng mục, dự án chủ yếu như:

Stt	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (Tr.đ)
I	Công trình chuyển tiếp			10.599
1	Dự án đầu tư Hệ thống xếp bao tự động	HT	1	10.599
II	Công trình khởi công mới			0
III	Chuẩn bị đầu tư			966
1	Dự án đầu tư xây dựng hàng rào khu phía Đông Nam	m	558	200
2	Dự án cải tạo hệ thống lọc bụi tĩnh điện công đoạn nghiền liệu	HT	1	350
3	Dự án đầu tư hệ thống đóng bao năng suất ≥ 110 tấn/h	HT	1	316
4	Dự án đầu tư hệ thống đóng bao năng suất ≥ 110 tấn/h số 2	HT	1	100
IV	Dự phòng			6.599
1	Dự án đầu tư hệ thống đóng bao năng suất ≥ 110 tấn/h	HT	1	2.500
2	Dự án đầu tư hệ thống phụ sương dập bụi	HT	1	170
3	Dự án đầu tư xây dựng hàng rào khu phía Đông Nam	m	558	3.504
4	Dự án đầu tư máy xúc thủy lực gầu ngược, dung tích gầu $\geq 1,4m^3$	cái	1	425
V	Tổng cộng (V=I+II+III+IV)			18.164

c. Định hướng của Hội đồng quản trị:

- Chỉ đạo Ban lãnh đạo điều hành xây dựng và thực hiện kế hoạch sửa chữa, đầu tư thay thế các máy móc thiết bị trong dây chuyền, đảm bảo dây chuyền thiết bị được hoạt động thông suốt. Tiếp tục nghiên cứu các tiến bộ kỹ thuật mới, tiên tiến để áp dụng thay thế các thiết bị lạc hậu nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm chi phí sản xuất. Đảm bảo thời gian hoạt động của hệ thống xếp bao tự động, phát huy tối đa công suất thiết bị để giảm lao động thủ công, nâng cao hiệu quả đầu tư.

- Chỉ đạo ban điều hành tìm mọi giải pháp về kỹ thuật, công nghệ để tăng mức clinker và chất lượng xi măng. Nâng cao chất lượng nguồn nguyên liệu chính như: Đá vôi, đất sét, đất caosilic... Tiếp tục nghiên cứu sử dụng nguồn nguyên vật liệu mới, sản phẩm phế thải của các nhà sản xuất công nghiệp khác có sẵn tại địa phương có giá thấp đưa vào sản xuất để giảm giá thành sản phẩm.

- Quan tâm cải thiện môi trường làm việc cho người lao động, môi trường làm việc luôn đảm bảo thông thoáng, sạch sẽ, thuận tiện, tăng cường vệ sinh công nghiệp thu gom xử lý chất thải công nghiệp. Thường xuyên kiểm tra giám sát các thông số môi trường lao động đưa ra các biện pháp và tổ chức thực hiện nhằm cải thiện điều kiện làm việc kịp thời và hiệu quả cho người lao động.

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí SXKD, tiến hành công tác khoán chi phí theo các công đoạn sản xuất, phân đầu tiết kiệm tối đa chi phí.

- Tăng cường công tác thị trường, giữ vững và tăng sản lượng tiêu thụ tại các thị trường truyền thống, mở thêm các thị trường mới để tăng sản lượng tiêu thụ.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, thông qua các biện pháp: Trọng tâm giảm tuổi nợ, xử lý nợ khó đòi, tăng vòng quay hàng tồn kho để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Rà soát đánh giá công tác lao động, tiền lương, có lộ trình tăng năng suất lao động, tiết giảm lao động, tuyển dụng lao động trẻ có trình độ chuyên môn, kỹ thuật tốt để đào tạo nhân sự bền vững cho hoạt động của Công ty. Thực hiện chế độ tiền lương của Công ty gắn với năng suất lao động và hiệu quả.

- Tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên trong Công ty, Tăng cường đào tạo tay nghề đặc biệt là đội ngũ vận hành phòng điều khiển trung tâm và các kỹ sư công nghệ.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu lại tổ chức theo hướng tinh gọn; chỉ đạo rà soát, bổ sung, sửa đổi, ban hành các quy chế, quy định trong quản lý phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, cũng như phù hợp với các qui định hiện hành của nhà nước; tăng cường trách nhiệm của bộ máy điều hành.

- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông; cải tiến, thiết lập phương thức quản lý tiên tiến, tạo động lực thúc đẩy sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

- Nâng cao vai trò trách nhiệm lãnh đạo của hệ thống chính trị, sự gương mẫu của các cán bộ đứng đầu với sự phân công cụ thể ở từng đơn vị trong mỗi lĩnh vực. Phát huy tinh thần đoàn kết một lòng, tạo nên sức mạnh tập thể, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2025.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động năm 2024 và định hướng năm 2025 của Hội đồng quản trị Công ty, xin được trình trước Đại hội./. ✓

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT; BKS;
- Đăng tải trên Website Công ty;
- Lưu VT; Thư ký HĐQT. ✓

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Minh Tân

Số: 06/BC-BKS

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 3 năm 2025

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội nước cộng hòa XHCN Việt Nam;

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI ban hành theo Quyết định số 06/QĐ-BKS ngày 26/04/2021;

Căn cứ Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI;

Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của ban kiểm soát, tình hình hoạt động SXKD và Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI đã được Công ty TNHH kiểm toán BDO thực hiện kiểm toán;

Ban kiểm soát Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông những nội dung sau:

I. Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024

1. Cơ cấu, thành phần ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI gồm có 03 thành viên, trong đó có 01 thành viên chuyên trách và 02 thành viên kiêm nhiệm cụ thể:

- | | |
|-----------------------------|--------------|
| - Ông: Phạm Trung Hợp | - Trưởng ban |
| - Bà: Trần Thu Hương | - Thành viên |
| - Bà: Nguyễn Thị Hồng Nhung | - Thành viên |

2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát:

2.1. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Trong năm Ban kiểm soát đã triệu tập 8 cuộc họp liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát như xây dựng kế hoạch công tác năm, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị của công ty và các lĩnh vực thuộc trách nhiệm của Ban kiểm soát cụ thể:

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Phạm Trung Hợp	8/8	100%	100%	
2	Trần Thu Hương	8/8	100%	100%	
3	Nguyễn Thị Hồng Nhung	8/8	100%	100%	

Các thành viên trong Ban kiểm soát đều tham gia đầy đủ các cuộc họp. Nội dung các cuộc họp đã được các thành viên nhất trí thông qua với tỷ lệ 100%.

2.2. Các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát:

Qua kết quả kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát, ý kiến của các thành viên đều được lập thành biên bản lưu, gửi đến HĐQT, Ban điều hành Công ty và ý kiến kiến nghị trực tiếp.

3. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024:

3.1. Ban kiểm soát đã hoạt động bám sát các nội dung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, các quy định tại Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý các hoạt động kinh doanh năm 2024; theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã đề ra;

3.2. Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp của Ban kiểm soát để lập kế hoạch của ban kiểm soát, đánh giá, thẩm định kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính quý, năm.

3.3. Tham gia tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty, đề từ đó nắm bắt sát sao với tình hình thực tiễn tại các bộ phận đơn vị trong Công ty nhằm kiểm soát các hoạt động của đơn vị đúng với quy định của pháp luật cũng như phương hướng của Đại hội đồng cổ đông;

3.4. Tham mưu, tư vấn cho HĐQT, Ban điều hành trong việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy định phù hợp với quy mô phát triển của Công ty, chú trọng nâng cao chất lượng hiệu quả công tác quản trị điều hành. Trong năm 2024 Công ty đã ban hành và sửa đổi một số quy chế, quy định như: *Quy chế quản lý quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi; Quy chế quản lý vật tư; Quy chế quản lý hoạt động bảo vệ môi trường; Quy chế tuyển dụng và đào tạo lao động; Quy chế quản lý xuất cảnh đối với cán bộ, người lao động trong Công ty; Quy chế quản lý cán bộ; Quy chế tiêu thụ sản phẩm.*

3.5. Tham gia ý kiến với HĐQT trong các vấn đề: Tổng kết và xây dựng kế hoạch năm, quý, tháng, phê duyệt và lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, bàn bạc thực hiện các chiến lược kinh doanh của Công ty cũng như Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

3.6. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính hàng tháng và thẩm định soát xét báo cáo tài chính quý, năm của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập.

3.7. Hàng quý, năm lập các báo cáo giám sát gửi Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP kịp thời theo đúng quy định.

4. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên ban kiểm soát:

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của BKS theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và kế hoạch hoạt động của BKS năm 2024. Ban kiểm soát tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và các thành viên như sau:

4.1. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát đã làm việc đúng chức năng của mình với tinh thần trách nhiệm cao, làm việc theo nguyên tắc tập thể, các thành viên BKS chịu trách nhiệm cá nhân về nhiệm vụ mình được phân công. Kiểm tra một cách độc lập, khách quan và báo cáo theo ý kiến của mình về tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính cũng như tính tuân thủ các hoạt động kinh doanh của Công ty. Thường xuyên trao đổi, đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban điều hành khi phát hiện sai sót, cũng như các hoạt động có tiềm ẩn rủi ro cho Công ty.

4.2. Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên Ban kiểm soát:

4.2.1. Ông Phạm Trung Hợp - Trưởng BKS chuyên trách

- Phụ trách chung công việc của Ban kiểm soát, lập kế hoạch và triển khai công tác, phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong ban. Xây dựng kế hoạch, nội dung, tổ chức các buổi làm việc của BKS, giám sát và tổ chức thực hiện đảm bảo kế hoạch.

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và tại Công ty, nhằm nắm bắt kịp thời các hoạt động của Công ty. Tham gia, phối hợp các đoàn kiểm tra, kiểm soát tại đơn vị (nếu có).

Trong năm luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

4.2.2. Bà Trần Thu Hương - Thành viên BKS

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của BKS được quy định trong Điều lệ của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Luật doanh nghiệp, các quy định hiện hành của Pháp luật, các quy định của Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP và của Công ty.

- Làm việc với tinh thần trách nhiệm, thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ được phân công trong BKS.

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT, phối hợp các đoàn kiểm tra, kiểm soát tại đơn vị (nếu có).

Trong năm luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

4.2.3. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thành viên BKS

- Thực hiện các nhiệm vụ đã được phân công của BKS. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của BKS được quy định trong Điều lệ của Công ty cổ phần xi măng La Hiên-VVMI, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Luật doanh nghiệp, các quy định hiện hành của Pháp luật, các quy định của Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP và của Công ty.

- Làm việc với tinh thần trách nhiệm, thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ được phân công trong BKS.

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT, phối hợp các đoàn kiểm tra, kiểm soát tại đơn vị (nếu có).

Trong năm luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

II. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

1. Về thù lao của Ban kiểm soát:

Trong năm 2024, BKS được hưởng lương, thưởng và các quyền lợi khác theo cơ chế lương, thưởng các chế độ phúc lợi khác theo quy định hiện hành của Công ty đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua, phù hợp với hướng dẫn của Nghị định 53/2016/NĐ-CP và Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ lao động Thương binh và xã hội hướng dẫn thi hành Nghị định 53/2026/NĐ-CP. Trong đó, tiền lương của thành viên chuyên trách nằm trong quỹ lương người quản lý và gắn với mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Thù lao được tính vào chi phí SXKD của Công ty, cụ thể:

ĐVT: Tr.đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thưởng	Thù lao	Ghi chú
1	Phạm Trung Hợp	Trưởng BKS	452,23		
2	Trần Thu Hương	Thành viên BKS		74,88	
3	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên BKS		74,88	

2. Về chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

Các chi phí liên quan đến hoạt động của BKS tuân thủ quy định của Bộ tài chính, quy chế tài chính và các quy định nội bộ của Công ty.

III. Tình hình hoạt động, tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty

1. Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ:

Stt	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ % TH/KH
1	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	670.000	659.476,47	98,43
	- Xi măng	Tấn	650.000	644.924,11	99,22
	- Clinker	Tấn	20.000	14.552,36	72,76
2	Doanh thu, thu nhập khác	Tr.đ	680.632	666.046,34	97,86
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tr.đ	40.000	408.504,79	121,26
4	Tỷ lệ trả cổ tức (dự kiến)	%	15	23	153,33
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tr.đ	33.523	36.025	107,46
6	Lao động bình quân	Người	505	475	94,06
7	Tiền lương bình quân	Đồng/n g/tháng	11.221.000	14.476.354	129,01

- Năm 2024 Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI đã tập trung đẩy mạnh sản xuất và tiêu thụ, thực hành tiết kiệm chi phí, đảm bảo ổn định sản xuất, việc làm, thu nhập cho người lao động. Công ty đã cơ bản hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về lợi nhuận, nộp NSNN, tiền lương bình quân và tỷ lệ trả cổ tức cho cổ đông so với Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024 đã giao.

- Thông qua hoạt động giám sát của mình. Trong năm 2024 BKS không nhận thấy dấu hiệu bất thường trong hoạt động SXKD của Công ty. BKS cho rằng các hoạt động của Công ty cơ bản đã đảm bảo được việc phát triển an toàn, bền vững và tuân thủ theo đúng Pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT.

2. Kết quả thẩm định BCTC Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI năm 2024

- Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu về các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán và lập các Báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, năm đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp;

- Ban kiểm soát đánh giá cao bộ phận Tài chính - Kế toán Công ty trong việc cập nhật và áp dụng kịp thời, đúng, đủ các thay đổi chế độ kế toán của Nhà nước và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, nộp BHXH, y tế, thất nghiệp cho người lao động đầy đủ và đúng quy định. Thực hiện kiểm soát tốt các khoản thu chi theo đúng chế độ, đôn đốc các bộ phận chấp hành các quy định về kế toán tài chính.

- Quản lý tốt tiền vốn, tài sản của Công ty; nguồn vốn được bảo toàn và tăng trưởng, sử dụng đồng vốn linh hoạt, tiết kiệm tốt chi phí tài chính góp phần nâng

cao hiệu quả kinh doanh của Công ty, cải thiện hệ số nợ phải trả trên vốn chủ, hệ số khả năng thanh toán và công nợ phải thu của khách hàng đạt vượt mức kế hoạch Tổng công ty giao.

- Sau khi thẩm tra báo cáo quyết toán tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI được lập lại theo kết quả kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán BDO, Ban kiểm soát xác nhận các số liệu tài chính thể hiện trung thực tình hình tài chính hiện tại của Công ty.

2.1. Tình hình tài sản, nguồn vốn thời điểm 31/12/2024 như sau:

ĐVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A	B	C	1	2
A	Tài sản ngắn hạn	100	210.022.921.582	195.379.802.787
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	115.702.261.577	97.621.552.925
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	69.500.000.000	40.000.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	9.608.213.171	13.208.429.707
4	Hàng tồn kho	140	15.134.650.974	44.168.552.646
5	Tài sản ngắn hạn khác	150	77.795.860	381.267.509
B	Tài sản dài hạn	200	102.106.044.354	107.958.329.999
1	Các khoản phải thu dài hạn	210	592.853.832	555.066.121
2	Tài sản cố định	220	89.968.626.892	94.420.440.372
-	Tài sản cố định hữu hình	221	89.968.626.892	94.420.440.372
-	Tài sản cố định thuê tài chính	224	0	0
-	Tài sản cố định vô hình	227	0	0
3	Bất động sản đầu tư	230	0	0
4	Tài sản dở dang dài hạn	240	0	458.115.918
5	Đầu tư tài chính dài hạn	250	0	0
6	Tài sản dài hạn khác	260	11.544.563.630	12.524.707.588
	Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270	312.128.965.936	303.338.132.786
C	Nợ phải trả	300	111.828.080.345	106.598.348.289
1	Nợ ngắn hạn	310	111.235.226.513	103.543.282.168
2	Nợ dài hạn	330	592.853.832	3.055.066.121

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A	B	C	1	2
D	Vốn chủ sở hữu	400	200.300.885.591	196.739.784.497
1	Vốn chủ sở hữu	410	200.300.885.591	196.739.784.497
-	Vốn góp của chủ sở hữu	411	120.000.000.000	120.000.000.000
-	Thặng dư vốn cổ phần	412	464.476.156	464.476.156
-	Quỹ đầu tư phát triển	418	41.157.145.436	41.157.145.436
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	38.679.263.999	35.118.162.905
	Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440	312.128.965.936	303.338.132.786

*** Nhận xét:**

- Báo cáo tài chính cơ bản được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính và các văn bản quy định hiện hành.

- Cơ cấu tài sản và nguồn vốn cơ bản đảm bảo tính phù hợp, cân đối giữa các khâu trong bố cục tài chính của Công ty.

2.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

ĐVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền	
		Năm 2024	Năm 2023
1	2	3	4
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	661.186.027.676	659.208.559.383
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	19.990.909
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	661.186.027.676	659.188.568.474
4	Giá vốn hàng bán	566.882.405.039	556.779.139.215
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	94.303.622.637	102.409.429.259
6	Doanh thu hoạt động tài chính	4.726.617.107	5.717.253.873
7	Chi phí tài chính	168.690.403	236.717.799
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>63.575.333</i>	<i>131.602.731</i>
8	Chi phí bán hàng	12.297.022.274	12.971.357.743

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền	
		Năm 2024	Năm 2023
1	2	3	4
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	38.020.527.610	34.421.305.356
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	48.543.999.457	60.497.302.234
11	Thu nhập khác	133.696.825	103.172.269
12	Chi phí khác	172.900.000	367.559.273
13	Lợi nhuận khác	-39.203.175	-264.387.004
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	48.504.796.282	60.232.915.230
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.825.532.283	13.114.752.325
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	38.679.263.999	47.118.162.905
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.300	2.600
19	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	0	0

Ghi chú: Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 được tính toán lại do xác định lại các khoản điều chỉnh được căn cứ vào mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ban hành thực tế theo Quyết định số 36/QĐ-HĐQT ngày 12/04/2024. Xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 giảm từ 3.926,51 đồng/cổ phiếu thành 2.600 đồng/cổ phiếu.

*** Nhận xét:**

- Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật.
- Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.
- Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2024 đạt 661.186 triệu đồng/KH 676.632 triệu đồng bằng 97,72 % so với kế hoạch năm.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 48.504,8 tr.đồng/kế hoạch 40.000 triệu đồng bằng 121,26% so với kế hoạch năm.

2.3. Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty năm 2024:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
A	B	C	1	2	3
1	Hệ số bảo toàn vốn	Lần	0,98	1,02	
2	Hệ số khả năng thanh toán				
A	Hệ số thanh toán hiện thời	"	1,89	1,89	

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
B	Hệ số thanh toán nhanh	"	1,46	1,75	
3	Hệ số phản ánh cơ cấu nguồn vốn				
A	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	"	0,54	0,56	
B	Hệ số nợ/Vốn điều lệ	"	0,89	0,93	
4	Hệ số phản ánh cơ cấu tài sản				
A	Tỷ lệ đầu tư vào tài sản ngắn hạn	%	64,41	67,29	
B	Tỷ lệ đầu tư vào tài sản dài hạn	"	35,59	32,71	
5	Hệ số khả năng sinh lời				
A	Tỷ suất lợi nhuận / Doanh thu	%	7,15	5,85	
B	Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA)	"	15,53	12,39	
C	Tỷ suất lợi nhuận / Vốn kinh doanh	"	39,27	32,23	
D	Tỷ suất sinh lời / Vốn CSH (ROE)	"	23,95	19,31	
E	Tỷ số thu nhập / Cổ phiếu (EPS)	Đồng	2.600	2.300	

*** Nhận xét:**

Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động và tài chính của Công ty thể hiện sự ổn định và an toàn cho thấy Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI có hệ thống quản trị tốt và hiệu quả. Cuối năm 2024 hệ số bảo toàn vốn, hệ số về khả năng thanh toán nợ đến hạn đã được cải thiện > 1 lần.

IV. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch

Trong năm 2024, Công ty có thực hiện việc ký kết các hợp đồng mua bán, dịch vụ với các Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của Công ty là người quản lý doanh nghiệp, bao gồm:

Stt	Tên công ty, cá nhân	Nội dung giao dịch
1	Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	- Mua than cám
2	Công ty than Khánh Hòa - VVMI	- Mua đá thải
3	Công ty cổ phần SX và KD vật tư thiết bị - VVMI	- Mua vỏ bao

Stt	Tên công ty, cá nhân	Nội dung giao dịch
4	Trung tâm Điều dưỡng ngành than - VVMI	- Dịch vụ
5	Công ty cổ phần khách sạn Thái Nguyên - VVMI	- Dịch vụ
6	Công ty cổ phần cơ khí mỏ Việt Bắc VVMI	- Sửa chữa thiết bị
7	Công ty cổ phần cơ khí và thiết bị áp lực VVMI	- Cung cấp vật tư

- Với các giao dịch trên, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch đã thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

- Ban kiểm soát thấy rằng việc chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan là Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của công ty là người quản lý đã thực hiện đúng theo khoản 2, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp.

V. Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành

- Giữa Ban kiểm soát, HĐQT và Ban điều hành Công ty đã duy trì được mối quan hệ trong công tác, hợp tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ.

- Trong năm 2024 HĐQT cùng Ban giám đốc và các cán bộ quản lý của các phòng ban chức năng Công ty đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát.

- Ban kiểm soát thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty đúng với các quy định hiện hành, đảm bảo thông tin đến cổ đông một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời.

VI. Đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

1. Hội đồng quản trị:

HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

- Trong năm 2024 Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 09 phiên họp trực tiếp, 15 phiên họp gián tiếp (bằng hình thức xin ý kiến); đã ban hành 127 nghị quyết, quyết định về các vấn đề chiến lược, các quyết định quan trọng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của công ty thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT và nội dung

của các Nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, và Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của Pháp luật.

- HĐQT thông qua các cuộc họp định kỳ, đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định để thực thi nhiệm vụ quản lý điều hành các hoạt động của Công ty, tiếp tục ban hành, hoàn thiện các quy chế nội bộ để làm cơ sở cho hoạt động của công ty ngày càng rõ ràng, minh bạch.

- HĐQT giao Giám đốc thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đề ra.

- Trong quá trình hoạt động, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Giám đốc trong việc thực thi nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông thông qua. HĐQT luôn tuân thủ Điều lệ Tổng công ty, luật pháp nhà nước; phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành cùng hợp tác nhằm đưa ra các giải pháp hữu hiệu để nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Năm 2024, HĐQT đã định hướng, chỉ đạo Công ty thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2024, bảo toàn và phát triển được vốn của Công ty.

2. Ban giám đốc:

Cùng với HĐQT, Ban giám đốc có những chỉ đạo rất sát sao và quyết liệt trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành quản lý và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản; sử dụng vốn đúng mục đích trong sản xuất kinh doanh; tuân thủ các qui định của pháp luật trong kinh doanh, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo qui định; quản lý chặt chẽ tài sản và nguồn vốn của Công ty; đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Trong năm 2024 thị trường tiêu thụ xi măng vẫn khó khăn do sự suy giảm nhu cầu xây dựng toàn cầu, thị trường bất động sản chưa có dấu hiệu phục hồi, xu hướng dịch chuyển nhu cầu từ xi măng bao sang xi măng bột tiếp tục tăng, mức độ cạnh tranh các thương hiệu xi măng trên thị trường vẫn diễn ra khốc liệt; Song Ban điều hành đã nỗ lực tìm các giải pháp để hạ giá thành sản phẩm, tìm kiếm mở rộng thị trường, đẩy mạnh công tác tiêu thụ sản phẩm, cụ thể:

+ Công ty đã có những giải pháp thích hợp để tăng hiệu quả SXKD; sản lượng tiêu thụ, doanh thu chưa hoàn thành so với kế hoạch đề ra, tuy nhiên Công ty vẫn có giải pháp tích cực giữ vững được thị trường truyền thống, ổn định giá bán xi măng, giúp hoàn thành hiệu quả sản xuất kinh doanh theo kế hoạch của công ty.

+ Tăng mác Clinker, tăng tỷ lệ pha phụ gia so với kế hoạch, góp phần giảm giá thành sản phẩm và ổn định được chất lượng sản phẩm.

+ Điều hành và kiểm soát tốt về năng suất các thiết bị chính như: máy nghiền liệu, nghiền than, nghiền xi măng nên đã đảm bảo duy trì sản xuất giảm thời gian huy động giờ cao điểm, tận dụng tối đa thời gian thấp điểm tiết kiệm chi phí điện năng, tăng hiệu quả kinh doanh.

Kết quả năm 2024, bộ máy điều hành đã hoàn thành vượt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên cụ thể về: Lợi nhuận trước thuế, tiền lương bình quân, nộp NSNN, cổ tức chi trả dự kiến 23%/ kế hoạch 15%.

VII. Kiến nghị của Ban kiểm soát

Dự báo năm 2025, tình hình kinh tế và chính trị thế giới vẫn còn tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp khó lường do xung đột cạnh tranh vẫn kéo dài, căng thẳng thương mại giữa các nước lớn ngày càng gia tăng sẽ ảnh hưởng đến nền kinh tế trên phạm vi toàn cầu, làm gián đoạn các nguồn cung ứng sản phẩm, hàng hóa, trực tiếp gây trì trệ đến các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi Công ty cũng phải đối mặt không ít khó khăn, giá cả nguyên vật liệu đầu vào biến động, suy giảm nhu cầu xây dựng toàn cầu, thị trường bất động sản có dấu hiệu phục hồi chậm, xu hướng dịch chuyển nhu cầu từ xi măng bao sang xi măng bột tiếp tục tăng làm giảm hiệu quả SXKD. Bên cạnh đó cổ phiếu Công ty đã được thực hiện niêm yết và giao dịch trên sàn chứng khoán Hà Nội bởi vậy để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm 2025, tạo được giá trị cổ phiếu trên sàn, đem lại lợi ích cho cổ đông, Ban kiểm soát đề nghị bộ máy điều hành công ty cần quan tâm một số nội dung sau:

- Tiếp tục duy trì sản xuất ổn định, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm; tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp, nâng cao thời gian huy động, năng suất thiết bị, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh sản phẩm đảm bảo tăng trưởng hợp lý, bền vững.
- Tìm kiếm nguồn NVL đầu vào giá rẻ đảm bảo chất lượng, để tiết kiệm chi phí sản xuất nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đưa công nghệ 4.0 vào thực tiễn nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời tiết kiệm nhiên liệu, điện năng giảm chi phí sản xuất kinh doanh, nâng cao mức độ an toàn lao động và bảo vệ môi trường.
- Tăng cường áp dụng tin học hóa, tự động hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm tiết giảm lao động và nâng cao năng suất, đảm bảo năng lực cạnh tranh và phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.
- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý và thu hồi công nợ, giảm dư nợ khách hàng bình quân, an toàn và tăng vòng quay vốn. Cân đối, sử dụng nguồn tiền nhàn rỗi, lựa chọn thời hạn cho vay tốt nhất đem lại hiệu quả kinh tế và an toàn cho nguồn tiền gửi.
- Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản ranh giới mỏ; công tác quản lý đất đai; bảo vệ môi trường. Thực hiện nghiêm túc, đúng quy định về khoáng sản theo giấy phép được cấp và nhà nước ban hành. Nâng cao nhận thức của toàn thể CBCNV trong việc thực thi pháp luật, tranh gian lận thương mại trong hoạt động kinh doanh.
- Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án đầu tư đổi mới dây chuyền công nghệ, để duy trì sản xuất ổn định đem lại hiệu quả sản xuất cho Công ty, phát huy tốt hơn nữa hiệu quả nguồn vốn đã đầu tư.
- Tăng cường và nâng cao hơn nữa công tác tự kiểm tra, giám sát và thực hiện, tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động SXKD nhằm chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện sơ hở, thiếu sót, không để sai phạm, gắn công tác kiểm tra, giám sát với công tác hỗ trợ Công ty.

- Tiếp tục rà soát các quy chế, quy định để sửa đổi bổ sung phù hợp với tình hình hoạt động SXKD của Công ty, đảm bảo tuân thủ pháp luật nhưng không làm ách tắc đến hoạt động SXKD.

- Tăng cường giám sát, thực hiện các nội dung yêu cầu đối với Công ty niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán, chấp hành đúng pháp luật, đảm bảo lợi ích cho nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

VIII. Phương hướng, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025

Căn cứ vào nhiệm vụ của Ban kiểm soát và các chỉ tiêu tạm giao kế hoạch SXKD năm 2025 của HĐQT Công ty, Ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát tại công văn số 02/LH-BKS ngày 09 tháng 01 năm 2025, tập trung vào các nhiệm vụ chính như sau:

1. Soát xét lại tính hợp lý, hợp pháp của các Nghị quyết, quyết định, nội quy, quy định, quy trình của Công ty; từ đó cùng với HĐQT, Ban điều hành sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tiễn tại đơn vị.

2. Nâng cao khả năng áp dụng các mô hình quản trị doanh nghiệp và quản trị rủi ro trong sản xuất kinh doanh; tận dụng tối đa các thời cơ đồng thời chủ động với các rủi ro tiềm ẩn ảnh hưởng tới Công ty.

3. Quản trị chi phí và tiết kiệm trong sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

4. Hoàn thiện hơn nữa hệ thống kế toán và chế độ hạch toán kế toán, đáp ứng nhanh nhu cầu cung cấp thông tin cho Ban điều hành; phù hợp với chế độ và chuẩn mực kế toán hiện hành.

5. Công bố thông tin, minh bạch hóa các hoạt động tài chính trên thị trường chứng khoán, thỏa mãn lợi ích của nhà đầu tư.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động trong năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025 của Ban kiểm soát.

Xin trân trọng cảm ơn!.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT; BKS;
- Đăng tải Website Công ty;
- Lưu: BKS; VP.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Phạm Trung Hợp

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26 /TTr-ĐHĐCĐ

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán
của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI**

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI ban hành theo quyết định số 16/QĐ-HĐQT ngày 26/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính đã kiểm toán cho năm tài chính kết thúc 31/12/2024 do Công ty TNHH kiểm toán BDO Việt Nam lập ngày 24/02/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, về việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.

(Có báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua./. *s*

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- HĐQT, BKS, Website;
- Lưu VT, Thư ký. *✓*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Minh Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Báo cáo tài chính đã kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

	Trang
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY	2
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Thông tin chung của công ty

Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền VVMI tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiền, được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 2228/QĐ-HĐQT ngày 19/09/2007 của Chủ tịch hội đồng quản trị Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4600422240 đăng ký lần đầu ngày 01/01/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên chuẩn y tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 5, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 04/12/2021. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4600422240 lần 5 ngày 04/12/2021, vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 VND được chia thành 12.000.000 cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.

Hội đồng quản trị

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

- Ông Vũ Minh Tân	Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Trần Quang Khải	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Hà Văn Chuyển	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Xuân Hậu	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Phạm Mạnh Tiến	Ủy viên Hội đồng quản trị

Ban Giám đốc

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

- Ông Trần Quang Khải	Giám đốc
- Ông Phạm Mạnh Tiến	Phó Giám đốc
- Ông Tống Thanh Sơn	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Thanh Trường	Phó Giám đốc

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong suốt năm tài chính và cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này là: Ông Trần Quang Khải - Chức danh: Giám đốc.

Ban Kiểm soát

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt năm tài chính và cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

- Ông Phạm Trung Hợp	Trưởng ban Kiểm soát
- Bà Trần Thu Hương	Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên

Trụ sở đăng ký kinh doanh

Công ty có trụ sở tại: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán BDO là công ty kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền VVMI.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Về báo cáo tài chính của công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền VVMI (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền VVMI phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc công ty phê duyệt báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đính kèm được trình bày từ trang 05 đến trang 34. Theo ý kiến của Ban Giám đốc báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện HĐQT và Ban Giám đốc



Trần Quang Khải
Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Số: BC/BDO/2025.

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiến VVMI
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024***Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiến VVMI, được lập ngày 24/02/2025 từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về sự hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiến VVMI tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**LÊ THỊ MINH HỒNG****Phó Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1992-2023-038-1

NGUYỄN THỊ LAN HOA**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2003-2023-038-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

B01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		210.022.921.582	195.379.802.787
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	115.702.261.577	97.621.552.925
1. Tiền	111		3.702.261.577	10.621.552.925
2. Các khoản tương đương tiền	112		112.000.000.000	87.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	69.500.000.000	40.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		69.500.000.000	40.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.608.213.171	13.208.429.707
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	6.383.149.602	10.885.447.818
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		194.737.996	69.009.449
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	3.218.504.573	2.406.236.440
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.4	(188.179.000)	(152.264.000)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	15.134.650.974	44.168.552.646
1. Hàng tồn kho	141		15.134.650.974	44.168.552.646
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		77.795.860	381.267.509
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	77.795.860	89.991.694
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13.2	-	291.275.815
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		102.106.044.354	107.958.329.999
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		592.853.832	555.066.121
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	592.853.832	555.066.121
II. Tài sản cố định	220		89.968.626.892	94.420.440.372
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	89.968.626.892	94.420.440.372
Nguyên giá	222		969.818.238.877	959.145.870.610
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(879.849.611.985)	(864.725.430.238)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
Nguyên giá	228		1.632.274.438	1.632.274.438
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.632.274.438)	(1.632.274.438)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	458.115.918
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	-	458.115.918
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		11.544.563.630	12.524.707.588
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	11.544.563.630	12.524.707.588
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		312.128.965.936	303.338.132.786

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMÍ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

B01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		111.828.080.345	106.598.348.289
I. Nợ ngắn hạn	310		111.235.226.513	103.543.282.168
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	42.561.760.187	32.826.159.633
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	1.856.430.053	2.889.571.942
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.1	14.303.550.244	6.793.628.945
4. Phải trả người lao động	314		33.294.270.695	38.773.123.049
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	300.441.200	4.936.514.743
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	1.654.068.663	1.539.079.962
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	-	2.500.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		17.264.705.471	13.285.203.894
II. Nợ dài hạn	330		592.853.832	3.055.066.121
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	-	2.500.000.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.16	592.853.832	555.066.121
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		200.300.885.591	196.739.784.497
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	200.300.885.591	196.739.784.497
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		464.476.156	464.476.156
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		41.157.145.436	41.157.145.436
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		38.679.263.999	35.118.162.905
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		38.679.263.999	35.118.162.905
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		312.128.965.936	303.338.132.786

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Giám đốc







Nguyễn Thị Hằng

Nguyễn Thị Hằng

Trần Quang Khải

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMİ
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

B02 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	661.186.027.676	659.208.559.383
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	19.990.909
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		661.186.027.676	659.188.568.474
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	566.882.405.039	556.779.139.215
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		94.303.622.637	102.409.429.259
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	4.726.617.107	5.717.253.873
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	168.690.403	236.717.799
Trong đó: chi phí lãi vay	23		63.575.333	131.602.731
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	12.297.022.274	12.971.357.743
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	38.020.527.610	34.421.305.356
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		48.543.999.457	60.497.302.234
11. Thu nhập khác	31	VI.8	133.696.825	103.172.269
12. Chi phí khác	32	VI.9	172.900.000	367.559.273
13. Lợi nhuận khác	40		(39.203.175)	(264.387.004)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		48.504.796.282	60.232.915.230
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	9.825.532.283	13.114.752.325
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		38.679.263.999	47.118.162.905
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	2.300	2.600

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Giám đốc





Nguyễn Thị Hằng

Nguyễn Thị Hằng

Trần Quang Khải

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

B03 - DN

(Phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		48.504.796.282	60.232.915.230
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		15.124.181.747	32.023.390.690
- Các khoản dự phòng	03		73.702.711	29.323.935
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.726.617.107)	(5.717.253.873)
- Chi phí lãi vay	06		63.575.333	131.602.731
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		59.039.638.966	86.699.978.713
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09		4.785.966.094	(2.908.954.553)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10		29.033.901.672	(17.382.260.992)
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả	11		1.666.453.552	(12.247.239.440)
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12		992.339.792	1.243.616.492
- Tiền lãi vay đã trả	14		(63.575.333)	(131.602.731)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.403.623.467)	(10.121.069.670)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		483.400.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(12.422.061.328)	(12.074.213.162)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		78.112.439.948	33.078.254.657
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(10.393.252.349)	(1.374.812.188)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(29.500.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.758.440.653	5.582.934.076
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(36.134.811.696)	4.208.121.888
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(5.000.000.000)	(2.500.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.896.919.600)	(39.520.931.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(23.896.919.600)	(42.020.931.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		18.080.708.652	(4.734.554.955)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	97.621.552.925	102.356.107.880
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	115.702.261.577	97.621.552.925

Người lập biểu

Phụ trách kế toán





Nguyễn Thị Hằng

Nguyễn Thị Hằng

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Giám đốc



Trần Quang Khải

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMÍ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền VVMÍ tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiền, được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 2228/QĐ-HĐQT ngày 19/09/2007 của Chủ tịch hội đồng quản trị Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4600422240 đăng ký lần đầu ngày 01/01/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên chuẩn y tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 5, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 04/12/2021. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4600422240 lần 5 ngày 04/12/2021, vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 VND được chia thành 12.000.000 cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.

Mã chứng khoán: CLH

Nơi đăng ký giao dịch: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Trụ sở chính của Công ty tại: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh công ty bao gồm:

- Sản xuất xi măng, đá vôi và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, các vật liệu xây dựng khác);
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng uranium và quặng thorium;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (khai thác quặng bô xít);
- Đúc sắt, thép;
- Đúc kim loại màu;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất các kết cấu kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công trình công nghiệp);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị dùng trong mạch điện);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá (hoạt động của trạm xá);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (cho thuê văn phòng, kho bãi);

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động của Công ty là khoảng thời gian từ khi mua hàng hóa, dịch vụ đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản dễ chuyển đổi thành tiền, thường không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 450 người (Tại ngày 31/12/2023 là 494 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ tài chính năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày báo cáo tài chính tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính. Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính của năm tài chính gần nhất.

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn không quá 3 tháng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

2. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi từ khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải thu khách hàng:** Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán.
- **Phải thu khác:** Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: phải thu về lãi tiền gửi; phải thu từ người lao động về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, TNCN, các khoản phải thu khác ...).

2. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải thu (tiếp theo)

Theo dõi khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên (thời gian quá hạn được xác định căn cứ vào hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên) được trích lập dự phòng theo tỷ lệ như sau:

Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc xác định được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 02 - “Hàng tồn kho”, cụ thể: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Giá mua, chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ là toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho các dịch vụ chưa hoàn thành tại thời điểm cuối kỳ.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ HH)

TSCĐ HH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ HH là toàn bộ các chi phí Công ty phải bỏ ra để có TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá TSCĐ HH đối với từng loại phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 về Tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa...) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ HH vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

4. Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định (tiếp theo)

Khi TSCĐ HH được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

TSCĐ HH được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc thiết bị	05 - 20 năm
Phương tiện vận tải	05 - 20 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08 năm

Trong năm 2024, công ty vẫn tiếp tục áp dụng khấu hao nhanh với hệ số là 2 cho một số tài sản cố định là máy móc thiết bị, và thiết bị, dụng cụ quản lý.

Tài sản cố định vô hình (TSCĐ VH)

TSCĐ VH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm, phí sử dụng tài liệu, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng... và các chi phí khác phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai của Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng hoặc thời gian thu hồi chi phí ước tính của Công ty.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được trình bày theo giá gốc. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải trả người bán:** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.

- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: phải trả về cổ tức và lợi nhuận phải trả; phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, đoàn phí công đoàn, khoản phải trả khác...).

Theo dõi các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận trong kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; có sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận thỏa mãn các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 18 “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng”.

Phương pháp ghi nhận dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

Dự phòng phải trả công ty bao gồm chi phí hoàn nguyên môi trường.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Phản ánh số thực tế đã đầu tư của các cổ đông. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4600422240 lần 5 ngày 04/12/2021, vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2024, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đầy đủ.

Nguyên tắc ghi nhận quỹ đầu tư phát triển

Tỷ lệ trích lập: Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động.

Mục đích sử dụng: Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Thẩm quyền ra quyết định trích lập và sử dụng quỹ: Đại hội đồng cổ đông

Nguyên tắc ghi nhận quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tỷ lệ trích lập: Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động.

Mục đích sử dụng: dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

Thẩm quyền ra quyết định trích lập và sử dụng quỹ: Đại hội đồng cổ đông.

Nguyên tắc ghi nhận quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty

Tỷ lệ trích lập: Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động.

Mục đích sử dụng: để thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty, mức trích thưởng được gắn với hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và kết quả xếp loại đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Thẩm quyền ra quyết định trích lập và sử dụng quỹ: Đại hội đồng cổ đông.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng năm tài chính (năm trước, năm nay), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông).

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu có liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan đến khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Tỷ lệ hoàn thành giao dịch được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Lãi tiền gửi.

Lãi tiền gửi: Được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh khoản giảm trừ doanh thu, và sự kiện này phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Công ty ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 23 “Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm”.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính của kỳ sau mới phát sinh khoản giảm trừ doanh thu: Công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát...

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán trong năm.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn.

Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước), của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong kỳ.

15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng: Là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí lương nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu, chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, vận chuyển...

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng trong năm.

15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp (tiếp theo)

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Trong năm công ty phát sinh khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp: Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi.

16. Nguyên tắc kế toán thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%).

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch và số dư với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số VII.3.

18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành hoặc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay và các tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, khoản phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính, do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo nguyên giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	944.541.083	130.596.146
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.757.720.494	10.490.956.779
Các khoản tương đương tiền (i)	112.000.000.000	87.000.000.000
Cộng	115.702.261.577	97.621.552.925

(i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Thái Nguyên, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Thái Nguyên với lãi suất từ 4,2%/năm đến 4,4%/năm.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	69.500.000.000	40.000.000.000
Cộng	69.500.000.000	40.000.000.000

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 3 tháng tại các ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Thái Nguyên, Ngân hàng TMCP Quân đội - Thái Nguyên, và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Thái Nguyên với mức lãi suất từ 3,7%/năm đến 4,7%/năm.

3. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng là các bên thứ ba		
Ủy ban nhân dân xã Dân Tiến	340.546.400	1.322.862.000
Ủy ban nhân dân xã Vũ Chấn	747.358.400	1.117.143.000
Ủy ban nhân dân xã Trảng Xá	360.319.200	854.601.000
Ủy ban nhân dân xã La Hiền	-	714.306.000
Ủy ban nhân dân xã Liên Minh	-	1.209.216.000
Ủy ban nhân dân xã Phương Giao	953.904.002	1.033.671.000
Ủy ban nhân dân xã Thần Sa	933.730.400	503.511.000
Ủy ban nhân dân xã Nghinh Tường	850.497.600	822.030.000
Ủy ban nhân dân xã Lâu Thượng	716.229.599	594.456.000
Các khách hàng khác	1.480.564.001	2.713.651.818
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	-	-
Cộng	6.383.149.602	10.885.447.818

Chi tiết tình hình trích lập dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	152.264.000	157.340.000
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	49.649.000	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(13.734.000)	(5.076.000)
Xoá nợ bằng khoản dự phòng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	188.179.000	152.264.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Các khoản phải thu của khách hàng ngắn hạn						
Hộ kinh doanh cá thể Lê Văn Cường	-	-	-	19.620.000	(13.734.000)	5.886.000
Phòng tài chính Huyện Phổ Yên	71.750.000	(71.750.000)	-	71.750.000	(71.750.000)	-
Công ty TNHH Yên Lạc	66.780.000	(66.780.000)	-	66.780.000	(66.780.000)	-
Công ty TNHH Hoàng Doanh	99.298.000	(49.649.000)	49.649.000	-	-	-
Cộng	237.828.000	(188.179.000)	49.649.000	158.150.000	(152.264.000)	5.886.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		
Phải thu người lao động	940.291.098	536.802.026
Ký cược, ký quỹ	243.900.000	211.500.000
Lãi dự thu	1.560.830.509	592.654.055
Phải thu khác	473.482.966	1.065.280.359
Cộng	3.218.504.573	2.406.236.440
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	592.853.832	555.066.121
Cộng	592.853.832	555.066.121

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.763.379.185	-	28.111.554.655	-
Công cụ, dụng cụ	16.424.909	-	35.249.120	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.354.846.880	-	16.021.748.871	-
Cộng	15.134.650.974	-	44.168.552.646	-

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển trong năm	Số cuối năm
Chi phí xây dựng cơ bản				
Dự án đầu tư máy nén khí	-	3.185.559.853	3.185.559.853	-
Dự án nâng cấp hệ thống tự động hóa (DCS) dây chuyền II	279.115.918	7.207.692.496	7.486.808.414	-
Sửa chữa Máy cán ép hai trục TRP 140-110	179.000.000	-	179.000.000	-
Trung đại tu máy lọc bụi tĩnh điện BS780	-	1.916.742.105	1.916.742.105	-
Trung đại tu máy Lọc bụi tĩnh điện Loại BS 930	-	2.831.888.977	2.831.888.977	-
Trung đại tu máy xúc Hyundai 450LC-7	-	216.850.657	216.850.657	-
Cộng	458.115.918	15.358.734.088	15.816.850.006	-

8. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		
Bảo hiểm ô tô	77.795.860	89.991.694
Cộng	77.795.860	89.991.694
b. Dài hạn		
Chi phí bồi thường GPMB	10.373.161.755	11.093.620.443
Phí bảo lãnh hợp đồng vay vốn	-	105.115.070
Phí bảo lãnh hợp đồng Điện	252.372.110	332.068.562
Phí sử dụng tài liệu	919.029.765	993.903.513
Cộng	11.544.563.630	12.524.707.588

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, trang thiết bị	Thiết bị và Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2024	325.458.628.458	498.146.964.869	87.484.896.048	48.055.381.235	959.145.870.610
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	3.185.559.853	-	7.486.808.414	10.672.368.267
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2024	325.458.628.458	501.332.524.722	87.484.896.048	55.542.189.649	969.818.238.877
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ (*)					
Tại ngày 01/01/2024	(238.328.581.123)	(491.975.355.851)	(87.484.896.048)	(46.936.597.216)	(864.725.430.238)
Khấu hao trong năm	(9.277.975.816)	(4.351.663.125)	-	(1.494.542.806)	(15.124.181.747)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2024	(247.606.556.939)	(496.327.018.976)	(87.484.896.048)	(48.431.140.022)	(879.849.611.985)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2024	87.130.047.335	6.171.609.018	-	1.118.784.019	94.420.440.372
Tại ngày 31/12/2024	77.852.071.519	5.005.505.746	-	7.111.049.627	89.968.626.892

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:

749.932.579.879 VND

Nguyên giá TSCĐ tạm thời không sử dụng:

- VND

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay:

- VND

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2024	1.632.274.438	1.632.274.438
Mua trong kỳ	-	-
Tại ngày 31/12/2024	1.632.274.438	1.632.274.438
Giá trị hao mòn lũy kế (*)		
Tại ngày 01/01/2024	(1.632.274.438)	(1.632.274.438)
Khấu hao trong kỳ	-	-
Tại ngày 31/12/2024	(1.632.274.438)	(1.632.274.438)
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2024	-	-
Tại ngày 31/12/2024	-	-

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 1.632.274.438 VND

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn là bên thứ ba	38.575.222.316	38.575.222.316	27.233.117.537	27.233.117.537
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Bắc Thái	4.029.337.918	4.029.337.918	5.371.874.757	5.371.874.757
Công ty cổ phần công nghiệp thương mại Sông Đà	4.755.860.000	4.755.860.000	3.073.840.000	3.073.840.000
Công ty điện lực Thái Nguyên	4.255.216.454	4.255.216.454	-	-
Khác	25.534.807.944	25.534.807.944	18.787.402.780	18.787.402.780
Phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan	3.986.537.871	3.986.537.871	5.593.042.096	5.593.042.096
Cộng	42.561.760.187	42.561.760.187	32.826.159.633	32.826.159.633

(Chi tiết phải trả người bán là bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VII.3)

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khách hàng ứng trước là các bên thứ ba		
Hợp tác xã sản xuất - Dịch vụ Hoàng Thịnh Phát	243.596.081	388.517.765
Công ty TNHH Nghị Hương	287.732.780	822.741.230
Công ty TNHH thương mại Hoa Dững	-	669.480.302
Công ty TNHH Tuổi trẻ Thái Nguyên	229.899.800	-
Công ty TNHH vật liệu xây dựng Khai Lan Thắng Lợi	336.964.932	-
Các đối tượng khác	758.236.460	1.008.832.645
Khách hàng ứng trước là các bên liên quan	-	-
Cộng	1.856.430.053	2.889.571.942

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

13. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

13.1 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	586.890.998	14.095.064.753	11.828.376.262	2.853.579.489
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.403.623.466	9.825.532.283	5.403.623.467	9.825.532.282
Thuế thu nhập cá nhân	332.388.059	1.285.817.097	1.307.252.224	310.952.932
Thuế tài nguyên	388.274.918	4.502.754.784	3.819.788.227	1.071.241.475
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.560.831.442	1.560.831.442	-
Phí bảo vệ môi trường	82.451.504	2.041.412.385	1.881.619.823	242.244.066
Thuế, phí và các khoản phải nộp khác	-	2.713.794.062	2.713.794.062	-
Cộng	6.793.628.945	36.025.206.806	28.515.285.507	14.303.550.244

13.2 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất nộp thừa	-	291.275.815
Cộng	-	291.275.815

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí điện năng tiêu thụ	-	4.003.650.024
Các khoản khác	300.441.200	932.864.719
Cộng	300.441.200	4.936.514.743

15. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức trả cổ đông	889.762.150	586.681.750
Các khoản khác	764.306.513	952.398.212
Cộng	1.654.068.663	1.539.079.962

16. Dự phòng phải trả dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng phải trả phí hoàn nguyên môi trường	592.853.832	555.066.121
Cộng	592.853.832	555.066.121

52/1
 17/1
 18/1
 19/1
 20/1
 21/1
 22/1
 23/1
 24/1
 25/1
 26/1
 27/1
 28/1
 29/1
 30/1
 31/1
 32/1
 33/1
 34/1
 35/1
 36/1
 37/1
 38/1
 39/1
 40/1
 41/1
 42/1
 43/1
 44/1
 45/1
 46/1
 47/1
 48/1
 49/1
 50/1
 51/1
 52/1
 53/1
 54/1
 55/1
 56/1
 57/1
 58/1
 59/1
 60/1
 61/1
 62/1
 63/1
 64/1
 65/1
 66/1
 67/1
 68/1
 69/1
 70/1
 71/1
 72/1
 73/1
 74/1
 75/1
 76/1
 77/1
 78/1
 79/1
 80/1
 81/1
 82/1
 83/1
 84/1
 85/1
 86/1
 87/1
 88/1
 89/1
 90/1
 91/1
 92/1
 93/1
 94/1
 95/1
 96/1
 97/1
 98/1
 99/1
 100/1

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B09 - DN

17. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	2.500.000.000	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-	-
Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Thái Nguyên	2.500.000.000	2.500.000.000		2.500.000.000	-	-
Vay dài hạn	2.500.000.000	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-	-
Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Thái Nguyên	2.500.000.000	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-	-
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B09 - DN

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2023	120.000.000.000	464.476.156	41.157.145.436	41.634.838.069	203.256.459.661
Lãi trong năm trước	-	-	-	47.118.162.905	47.118.162.905
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	(39.600.000.000)	(39.600.000.000)
Phân phối các quỹ	-	-	-	(14.034.838.069)	(14.034.838.069)
Tại ngày 31/12/2023	120.000.000.000	464.476.156	41.157.145.436	35.118.162.905	196.739.784.497
Tăng trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	38.679.263.999	38.679.263.999
Chi trả cổ tức cho các cổ đông (*)	-	-	-	(19.200.000.000)	(19.200.000.000)
Phân phối các quỹ (*)	-	-	-	(15.918.162.905)	(15.918.162.905)
Tại ngày 31/12/2024	120.000.000.000	464.476.156	41.157.145.436	38.679.263.999	200.300.885.591

(*) Theo Quyết định số 36/QĐ-HĐQT ngày 12/04/2024 về việc phân phối lợi nhuận năm 2023 Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI, thực hiện trả cổ tức 31.200.000.000 VND (trong đó đã tạm ứng 12.000.000.000 VND năm 2023 và chi bổ sung 19.200.000.000 VND trong năm 2024), trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 15.656.316.905 VND, trích quỹ khen thưởng người quản lý doanh nghiệp 261.846.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

18. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP	61.659.600.000	61.659.600.000
Vốn góp của các cổ đông khác	58.340.400.000	58.340.400.000
Cộng	120.000.000.000	120.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	120.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	120.000.000.000	120.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	19.200.000.000	39.600.000.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số đầu năm	Số trích lập thêm trong năm	Số đã sử dụng trong năm	Số cuối năm
Quỹ đầu tư phát triển	41.157.145.436	-	-	41.157.145.436
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13.285.203.894	16.139.716.905	12.160.215.328	17.264.705.471
Quỹ khen thưởng người quản lý doanh nghiệp	-	261.846.000	261.846.000	-
Cộng	54.442.349.330	16.401.562.905	12.422.061.328	58.421.850.907

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	658.804.124.108	658.699.278.213
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.381.903.568	509.281.170
Cộng	661.186.027.676	659.208.559.383
Trong đó		
Doanh thu bán cho bên thứ ba	659.240.437.676	659.208.559.383
Doanh thu bán cho bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số VII.3)	1.945.590.000	-

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	-	19.990.909
Cộng	-	19.990.909

3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm đã bán	566.015.076.313	556.653.605.950
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	867.328.726	125.533.265
Cộng	566.882.405.039	556.779.139.215

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	4.726.617.107	5.706.160.106
Doanh thu tài chính khác	-	11.093.767
Cộng	4.726.617.107	5.717.253.873

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	63.575.333	131.602.731
Chi phí tài chính khác	105.115.070	105.115.068
Cộng	168.690.403	236.717.799

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí tiền lương	3.901.450.000	4.641.670.000
Chi phí vật liệu quản lý	1.047.959.614	1.963.222.884
Chi phí khấu hao TSCĐ	10.328.932	27.585.799
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.427.387.352	1.910.520.777
Chi phí bằng tiền khác	5.909.896.376	4.428.358.283
Cộng	12.297.022.274	12.971.357.743

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí tiền lương	22.649.248.000	19.849.608.000
Chi phí vật liệu quản lý	820.784.238	431.611.358
Chi phí đồ dùng văn phòng	343.646.422	358.763.155
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.340.849.701	1.290.058.031
Chi phí bằng tiền khác	12.830.084.249	12.496.340.812
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	49.649.000	-
Các khoản giảm trừ chi phí quản lý doanh nghiệp		
Hoàn nhập dự phòng khoản phải thu khó đòi	(13.734.000)	(5.076.000)
Cộng	38.020.527.610	34.421.305.356

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Các khoản khác	133.696.825	103.172.269
Cộng	133.696.825	103.172.269

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Tiền chậm nộp thuế và tiền phạt vi phạm hành chính	9.000.000	192.909.273
Chi phí thiết kế bản vẽ thi công mỏ sét Cúc Đường	-	162.000.000
Chi phí khác	163.900.000	12.650.000
Cộng	172.900.000	367.559.273

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm nay	9.825.532.283	12.403.623.467
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành của năm nay	-	711.128.858
Cộng	9.825.532.283	13.114.752.325

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong kỳ của Công ty:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	48.504.796.282	60.232.915.230
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán	622.865.134	1.785.202.105
<u>Các khoản điều chỉnh tăng</u>	<u>622.865.134</u>	<u>1.785.202.105</u>
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	234.237.934	1.321.694.905
Thù lao hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	388.627.200	463.507.200
<u>Các khoản điều chỉnh giảm</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	49.127.661.416	62.018.117.335
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	49.127.661.416	62.018.117.335
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	9.825.532.283	12.403.623.467
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành của năm nay	-	711.128.858
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.825.532.283	13.114.752.325

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	410.254.029.978	388.731.692.519
Chi phí nhân công	92.489.460.895	89.762.325.322
Chi phí khấu hao TSCĐ	15.124.181.747	32.023.390.690
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.851.437.055	56.367.863.829
Chi phí bằng tiền khác	39.394.057.585	31.795.467.435
Cộng	607.113.167.260	598.680.739.795

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	38.679.263.999	47.118.162.905
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	38.679.263.999	47.118.162.905
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng ban điều hành trong năm	(11.079.263.999)	(15.918.162.905)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	2.300	2.600

(*): Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong năm	-	-
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại bình quân trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.000.000	12.000.000

(**): Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 được tính toán lại do xác định lại các khoản điều chỉnh được căn cứ vào mức trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng ban điều hành thực tế được theo Quyết định số 36/QĐ-HĐQT ngày 12/04/2024. Việc xác định nêu trên làm lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 giảm từ 3.927 đồng/cổ phiếu thành 2.600 đồng/cổ phiếu.

Số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm nay ước tính là 11.079.263.999 VND, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay có thể thay đổi do ảnh hưởng của việc thay đổi số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi sau phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông về việc phân phối lợi nhuận năm 2024.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

1. Công cụ tài chính

Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính.

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Chính sách quản lý rủi ro tài chính chung của Công ty tập trung vào việc dự đoán các biến động không mong muốn của thị trường và tập trung làm giảm các tác động xấu đối với kết quả kinh doanh của Công ty.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, và rủi ro về giá khác, ví dụ như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi, vay và nợ, các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty duy trì số dư tài sản bằng tiền có gốc ngoại tệ ở mức độ hợp lý để đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng thường xuyên và đảm bảo nghĩa vụ phải trả đến hạn bằng tiền có gốc ngoại tệ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng được đánh giá ở mức thấp. Công ty có rủi ro tín dụng từ các khoản tiền gửi ngân hàng, khoản phải thu khách hàng và đầu tư tài chính. Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Phải thu khách hàng

Các khoản phải thu có rủi ro đã được trích lập dự phòng như số liệu đã trình bày trên bảng cân đối kế toán.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31/12/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	115.702.261.577	-	-	115.702.261.577
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.804.933.024	592.853.832	-	7.397.786.856
Đầu tư tài chính	69.500.000.000	-	-	69.500.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	(188.179.000)	-	-	(188.179.000)
Cộng	191.819.015.601	592.853.832	-	192.411.869.433

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31/12/2024				
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	-	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	44.021.090.854	-	-	44.021.090.854
Chi phí phải trả	300.441.200	-	-	300.441.200
Cộng	44.321.532.054	-	-	44.321.532.054
Chênh lệch thanh khoản thuần	147.497.483.547	592.853.832	-	148.090.337.379

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Ngày 01/01/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	97.621.552.925	-	-	97.621.552.925
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.865.310.290	555.066.121	-	10.420.376.411
Đầu tư tài chính	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	(152.264.000)	-	-	(152.264.000)
Cộng	147.334.599.215	555.066.121	-	147.889.665.336

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Ngày 01/01/2024				
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	2.500.000.000	2.500.000.000	-	5.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	37.185.802.088	-	-	37.185.802.088
Chi phí phải trả	4.936.514.743	-	-	4.936.514.743
Cộng	44.622.316.831	2.500.000.000	-	47.122.316.831
Chênh lệch thanh khoản thuần	102.712.282.384	(1.944.933.879)	-	100.767.348.505

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	115.702.261.577	97.621.552.925	115.702.261.577	97.621.552.925
Đầu tư tài chính	69.500.000.000	40.000.000.000	69.500.000.000	40.000.000.000
Phải thu khách hàng	4.526.719.549	7.995.875.876	4.338.540.549	7.843.611.876
Phải thu khác	2.871.067.307	2.424.500.535	2.871.067.307	2.424.500.535
Tổng cộng	192.600.048.433	148.041.929.336	192.411.869.433	147.889.665.336
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	-	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Phải trả người bán	42.367.022.191	32.757.150.184	42.367.022.191	32.757.150.184
Chi phí phải trả	300.441.200	4.936.514.743	300.441.200	4.936.514.743
Phải trả, phải nộp khác	1.654.068.663	4.428.651.904	1.654.068.663	4.428.651.904
Tổng cộng	44.321.532.054	47.122.316.831	44.321.532.054	47.122.316.831

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng được xác định bằng giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng đã trích lập.

2. Báo cáo bộ phận

a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 lĩnh vực kinh doanh là: Kinh doanh vật liệu xây dựng và sản xuất kinh doanh khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này.

Theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Lĩnh vực	Vật liệu xây dựng	Sản xuất kinh doanh khác	Tổng cộng toàn Công ty
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	658.804.124.108	2.381.903.568	661.186.027.676
Tổng doanh thu thuần	658.804.124.108	2.381.903.568	661.186.027.676
Chi phí kinh doanh	616.332.626.197	867.328.726	617.199.954.923
Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	566.015.076.313	867.328.726	566.882.405.039
Chi phí bán hàng	12.297.022.274	-	12.297.022.274
Chi phí quản lý doanh nghiệp	38.020.527.610	-	38.020.527.610
Kết quả hoạt động kinh doanh	42.471.497.911	1.514.574.842	43.986.072.753
Thu nhập từ hoạt động tài chính	4.541.506.906	16.419.798	4.557.926.704
Lợi nhuận khác		(39.203.175)	(39.203.175)
Lợi nhuận trước thuế			48.504.796.282

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

2. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

b. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại khu vực Miền Bắc nên Công ty không lập báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý)

3. Thông tin với bên liên quan

3.1 Danh sách bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	Công ty mẹ
Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	Công ty mẹ của Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP
Công ty Cổ phần cơ khí vật tư, thiết bị áp lực VVMI	Công ty trong cùng Tổng công ty
Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI	Công ty trong cùng Tổng công ty
Công ty TNHH than Khánh Hòa VVMI	Công ty trong cùng Tổng công ty
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật tư -TKV - Xi nghiệp vật tư Hòn Gai	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Thái Nguyên	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần khách sạn Thái nguyên VVMI	Công ty trong cùng Tổng công ty
Trường Cao đẳng Than - Khoáng Sản Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn
Trung tâm điều dưỡng ngành than	Công ty trong cùng Tổng công ty
Trường Quản trị kinh doanh Vinacomin	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần cơ khí mỏ Việt Bắc VVMI	Công ty trong cùng Tổng công ty
Công ty Than Núi Hồng VVMI	Công ty trong cùng Tổng công ty
Viện khoa học công nghệ mỏ - Vinacomin	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty cổ phần xi măng Quán triều VVMI	Công ty trong cùng Tổng công ty
Công ty cổ phần Vật tư - TKV	Công ty trong cùng tập đoàn
Chi nhánh Tập Đoàn Công Nghiệp Than - Khoáng Sản Việt Nam - Ban Quản Lý Dự Án Chuyên Ngành Mỏ Than - TKV	Công ty trong cùng tập đoàn
Ông Đỗ Huy Hùng	Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Vũ Minh Tân	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Lê Thị Thu Hiền	Nguyên Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Trịnh Quốc Bình	Nguyên Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Hà Văn Chuyển	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Trần Quang Khải	Ủy viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Xuân Hậu	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Phạm Mạnh Tiến	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Lê Bá Chức	Nguyên Phó Giám đốc
Ông Tống Thanh Sơn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Trường	Phó Giám đốc
Ông Phạm Trung Hợp	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Trần Thu Hương	Thành viên Ban Kiểm soát

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3.1 Danh sách bên liên quan (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Bà Hoàng Thị Thúy	Nguyên thành viên Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Kế toán trưởng

3.2 Giao dịch với bên liên quan

a. Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt

Bên liên quan	Nội dung	Giá trị giao dịch	
		Năm nay	Năm trước
Ông Đỗ Huy Hùng	Phụ cấp HĐQT	-	22.276.800
Ông Vũ Minh Tân	Phụ cấp HĐQT	89.107.200	66.830.400
Bà Lê Thị Thu Hiền	Phụ cấp HĐQT	-	18.720.000
Ông Hà Văn Chuyên	Phụ cấp HĐQT	74.880.000	74.880.000
Ông Trịnh Quốc Bình	Phụ cấp HĐQT	-	18.720.000
Ông Nguyễn Xuân Hậu	Phụ cấp HĐQT	74.880.000	56.160.000
Ông Trần Quang Khải	Phụ cấp HĐQT	74.880.000	74.880.000
Ông Phạm Mạnh Tiến	Lương, thưởng BGD	490.998.463	480.168.000
	Phụ cấp HĐQT	74.880.000	56.160.000
Ông Lê Bá Chức	Lương, thưởng BGD	430.700.407	421.200.000
	Lương, thưởng BGD	-	245.700.000
Ông Tống Thanh Sơn	Lương, thưởng BGD	430.700.407	210.600.000
Ông Nguyễn Thanh Trường	Lương, thưởng BGD	430.700.407	175.500.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Lương, thưởng Kế toán trưởng	331.878.890	381.186.000
Ông Phạm Trung Hợp	Lương, thưởng BKS	452.235.427	442.260.000
Bà Trần Thu Hương	Phụ cấp BKS	74.880.000	74.880.000
Bà Hoàng Thị Thúy	Phụ cấp BKS	-	18.720.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Phụ cấp BKS	74.880.000	56.160.000

b. Giao dịch với bên liên quan khác

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	
		Năm nay	Năm trước
Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	Mua Than cám	129.393.748.342	147.528.523.630
Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	Chi phí quản lý mỏ	956.624.757	488.474.161
	Cổ tức được chia và đã trả	9.865.536.000	14.181.708.000
Công ty TNHH than Khánh Hòa VVMI	Mua đá thải	2.185.823.700	3.351.295.732
Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Vật tư -TKV - Xi nghiệp vật tư Hòn Gai	Mua vật tư, dầu nhờn	368.769.465	578.022.000
Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Thái Nguyên	Chi phí nổ mìn phá đá với các mỏ	5.031.663.124	4.547.801.002
Công ty Cổ phần khách sạn Thái nguyên VVMI	Mua dịch vụ	1.284.212.965	1.262.186.834
Trung tâm điều dưỡng ngành than	Mua dịch vụ	1.157.827.259	988.779.818
Trường Quản trị kinh doanh Vinacomin	Mua dịch vụ đào tạo	37.373.535	154.219.000
Công ty Cổ phần cơ khí vật tư, thiết bị áp lực VVMI	Bán phế liệu	1.945.590.000	-
	Mua vật tư	890.150.000	-
Công ty Cổ phần cơ khí mỏ Việt Bắc VVMI	Mua dịch vụ sửa chữa	217.118.657	2.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3.2 Giao dịch với bên liên quan (tiếp theo)

b. Giao dịch với bên liên quan khác (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	
		Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI	Mua vỏ bao	35.637.203.500	34.910.624.000
Công ty Than Núi Hồng VVMI	Mua dịch vụ	46.926.000	46.926.000
Trường Cao đẳng Than - Khoáng Sản Việt Nam	Mua dịch vụ đào tạo	271.981.000	134.380.000
Viện khoa học công nghệ mỏ - Vinacomin	Mua dịch vụ tư vấn	28.866.741	259.800.668
Công ty cổ phần xi măng Quán triều VVMI	Mua clinker	-	1.262.316.667
Công ty cổ phần Vật tư - TKV	Mua vật tư, dầu nhờn	328.937.315	-
Chi Nhánh Tập Đoàn Công Nghiệp Than - Khoáng Sản Việt Nam - Ban Quản Lý Dự Án Chuyên Ngành Mỏ Than - TKV	Mua dịch vụ	172.120.407	-

3.3 Số dư với bên liên quan

Số dư chủ yếu với các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	3.986.537.871	5.593.042.096
Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI	3.413.118.500	3.808.227.200
Công ty TNHH than Khánh Hòa VVMI	-	378.993.561
Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Vật tư -TKV - Xí nghiệp vật tư Hòn Gai	-	123.948.539
Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Thái Nguyên	545.105.910	1.001.288.074
Công ty cổ phần Vật tư - TKV	28.313.461	-
Viện khoa học công nghệ mỏ - Vinacomin	-	280.584.722
Trả trước cho người bán	168.596.238	69.009.449
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	23.761.238	69.009.449
Công Ty Cổ Phần Cơ Khí Và Thiết Bị Áp Lực-VVMI	144.835.000	-

4. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	1.387.327.896	1.387.327.896
Trên 1 năm đến 5 năm	5.929.273.133	6.345.681.645
Trên 5 năm	17.834.180.649	18.805.100.032
Cộng	25.150.781.677	26.538.109.573

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ tài chính.

6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

7. Thông tin về hoạt động liên tục

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính không có hoạt động hoặc sự kiện nào ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hằng

Phụ trách kế toán



Nguyễn Thị Hằng

Giám đốc



Trần Quang Khải

Số: 27 /TTr-ĐHĐCĐ

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về việc phân phối lợi nhuận năm 2024 của
Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI ban hành theo quyết định số 16/QĐ-HĐQT ngày 26/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI, về việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 của Công ty cụ thể như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện
1	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	38.679.263.999
	Trong đó: Lợi nhuận năm trước chuyển sang	Đồng	0
	- Lợi nhuận năm nay	Đồng	38.679.263.999
2	Trích lập các quỹ	Đồng	11.079.263.999
a	Trích quỹ đầu tư phát triển	Đồng	0
b	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (1,57 tháng lương bình quân)	Đồng	10.794.017.999
b1	Quỹ lương thực hiện năm 2024 của Công ty	Đồng	82.515.216.545
b2	Quỹ lương thực hiện bình quân 1 tháng của Công ty	Đồng	6.876.268.045
b3	Số tháng lương được trích tối đa (3 tháng lương)	Tháng	1,57
b4	Mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (b4=b2*b3)	Đồng	10.794.017.999
c	Trích quỹ khen thưởng người quản lý doanh nghiệp (1,5 tháng lương bình quân của người quản lý Công ty chuyên trách)	Đồng	285.246.000
c1	Quỹ lương thực hiện BQ 1 tháng của NQL DN năm 2024 (1,5 tháng lương bình quân của người quản lý	Đồng	190.164.000

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện
	Công ty chuyên trách)		
c2	Số tháng lương được trích tối đa (1.5 tháng lương)	Tháng	1,5
c3	Mức trích quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp ($c3=c1*c2$)	Đồng	285.246.000
3	Phương án trả cổ tức năm 2024		
a	Tỷ lệ trả cổ tức theo NQ ĐHCĐ đầu năm	%	15
b	Tỷ lệ trả cổ tức đơn vị đề nghị	%	23
c	Số tiền trả cổ tức	Đồng	27.600.000.000
4	Số lợi nhuận còn lại sau khi đã chia cổ tức và trích các quỹ trên	Đồng	0

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- HĐQT, BKS, Website;
- Lưu VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Minh Tân

Số: 28 /TTr-ĐHĐCĐ

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 3 năm 2025



TỜ TRÌNH
Về việc quyết toán chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2024
và kế hoạch chi trả năm 2025

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI ban hành theo quyết định số 16/QĐ-HĐQT ngày 26/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 34/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/04/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI, về việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI kính trình Đại hội đồng Cổ đông quyết toán chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2024 và phương án chi trả thù lao năm 2025 với những nội dung cụ thể như sau:

1. Quyết toán chi trả thù lao năm 2024:

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Họ tên	Chức vụ	Thực hiện
1	Vũ Minh Tân	CT HĐQT	89.107.200
2	Trần Quang Khải	TV HĐQT	74.880.000
3	Hà Văn Chuyển	TV HĐQT	74.880.000
4	Phạm Mạnh Tiến	TV HĐQT	74.880.000
5	Nguyễn Xuân Hậu	TV HĐQT	74.880.000
6	Nguyễn Thị Hồng Nhung	TV BKS	74.880.000
7	Trần Thu Hương	TV BKS	74.880.000
	Tổng cộng		538.387.200

2. Phương án chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2025: Căn cứ kết quả SXKD nếu tiền lương của Người quản lý được quyết toán tăng thì mức chi trả thù

lao sẽ tăng tương ứng, nhưng mức chi tối đa không quá 20% mức tiền lương của Người quản lý và dự kiến như sau:

Stt	Chức danh	Số lượng	KH(đ/ng/th)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	1	4.760.000	
2	Ủy viên HĐQT	4	4.000.000	
3	Ủy viên BKS	2	4.000.000	

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- HĐQT, BKS, Website;
- Lưu VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Minh Tân

Số: 29 /TTr-ĐHĐCĐ

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua kế hoạch SXKD và kế hoạch ĐTXD năm 2025
của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI**

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI ban hành theo quyết định số 16/QĐ-HĐQT ngày 26/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI, về việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025 cụ thể như sau:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025
1	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	630.000
2	Doanh thu, Thu nhập khác	Tr.đ	605.382
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	30.000
4	Cổ tức	%	12
5	Nộp NS nhà nước	Tr.đ	31.194
6	Lao động định mức	Người	459
7	Tiền lương bình quân	Trđ/người/Th	10,942

- Giao cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI, chủ động điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 cho phù hợp với thực tế sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm, tuy nhiên đảm bảo làm không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế hoạch đã được giao.

2. Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025:


Stt	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (Tr.đ)
I	Công trình chuyển tiếp			10.599
1	Dự án đầu tư Hệ thống xếp bao tự động	HT	1	10.599

Stt	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (Tr.đ)
II	Công trình khởi công mới			0
III	Chuẩn bị đầu tư			966
1	Dự án đầu tư xây dựng hàng rào khu phía Đông Nam	m	558	200
2	Dự án cải tạo hệ thống lọc bụi tĩnh điện công đoạn nghiền liệu	HT	1	350
3	Dự án đầu tư hệ thống đóng bao năng suất ≥ 110 tấn/h	HT	1	316
4	Dự án đầu tư hệ thống đóng bao năng suất ≥ 110 tấn/h số 2	HT	1	100
IV	Dự phòng			6.599
1	Dự án đầu tư hệ thống đóng bao năng suất ≥ 110 tấn/h	HT	1	2.500
2	Dự án đầu tư hệ thống phụ sương dập bụi	HT	1	170
3	Dự án đầu tư xây dựng hàng rào khu phía Đông Nam	m	558	3.504
4	Dự án đầu tư máy xúc thủy lực gầu ngược, dung tích gầu $\geq 1,4m^3$	cái	1	425
V	Tổng cộng (V=I+II+III+IV)			18.164

- Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động điều hành các dự án đầu xây dựng dự kiến thực hiện năm 2025 ước đạt **18.164** triệu đồng.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua./. 

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- HĐQT, BKS, Website;
- Lưu VT, Thư ký. 

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Minh Tân

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN DỰ THẢO

HỢP ĐỒNG MUA BÁN THAN NĂM 2025
GIỮA TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMİ
Số: /HĐ/TKV-XMLH

- Căn cứ Bộ Luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật Thương mại năm 2005;
- Căn cứ nhu cầu sử dụng và khả năng cung cấp của hai bên;

Hôm nay, ngày tháng năm 2025, tại Hà Nội, chúng tôi gồm:

I. BÊN BÁN:

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

(dưới đây viết tắt là TKV)

Địa chỉ: số 226, Đường Lê Duẩn, Hà Nội;

Điện thoại: 024.38564144; 024.35180141; Fax: 024.35182041;
024.38510724;

Tài khoản số: 110000135108 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình.

Mã số thuế: 5700 100256

Đại diện là: Ông Nguyễn Huy Nam, chức vụ: Phó Tổng giám đốc.

Giấy uỷ quyền số 101/GUQ -TKV ngày 16/12/2024 do ông Vũ Anh Tuấn, chức vụ Tổng giám đốc ký;

I. BÊN MUA:

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMİ

(dưới đây viết tắt là XMLH)

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, huyện Võ Nhại, Thái Nguyên;

Điện thoại: 0208.3829.154; Fax: 0208.3829.056;

Tài khoản số: 39000000429, tại Ngân hàng ĐT & PT Thái Nguyên;

Mã số thuế: 4600422240;

Đại diện là: Ông Trần Quang Khải, chức vụ: Giám đốc

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng mua bán than với các điều khoản cụ thể dưới đây:

Điều 1. Chung loại, khối lượng, chất lượng:

1.1.Chung loại: Than cám 5a.6 (mã sản phẩm 05-C5A.6)

1.2. Khối lượng: 75.000 +/-10% tấn.

1.3.Chất lượng: Theo tiêu chuẩn quốc gia hiện hành TCVN 8910:2020 và thỏa thuận khác giữa hai bên.

1.3.1. Các chỉ tiêu chất lượng cụ thể:

Các chỉ tiêu

Than cám 5a.6

1. Cỡ hạt (mm):	≤ 25
Tỷ lệ trên cỡ tối đa (%):	10
2. Độ tro khô A^k (%):	
Trung bình:	29,00
Giới hạn:	27,01 ÷ 31,00
3. Độ ẩm toàn phần W^p (%):	
Trung bình:	10,50
Không lớn hơn:	14,00
4. Chất bốc khô V^k (%):	
Trung bình:	12,00
Không lớn hơn:	14,00
5. Lưu huỳnh chung khô S_{ch}^k (%):	
Trung bình:	2,00
Không lớn hơn:	3,00
6. Trị số toả nhiệt toàn phần khô Q_{gr}^k (cal/g):	
Không nhỏ hơn:	5.350

1.3.2. Thỏa thuận khác:

(a) Độ ẩm toàn phần (W^p) để giao nhận: theo thực tế

(b) Độ ẩm toàn phần (W^p) để xác định khối lượng than thanh toán:

+ Độ ẩm để xác định khối lượng than thanh toán: là độ ẩm trung bình theo TCVN 8910:2020 (10,5%), các lô hàng có độ ẩm toàn phần khác 10,5 sẽ được quy về 10,5% để xác định khối lượng than thanh toán.

+ Nhiệt năng trung bình của than cám 5a.6: 5.500 cal/g

Điều 2. Điều kiện giao hàng

2.1. Địa điểm giao hàng: Hàng hoá được Bên Bán giao cho Bên Mua trên phương tiện vận chuyển của Bên Mua tại kho Bên Bán (kho mỏ Khánh Hoà).

2.2. Chuyển rủi ro: Rủi ro về mất mát hoặc hư hại hàng hoá được chuyển cho Bên Mua kể từ khi hàng hoá được xếp lên phương tiện vận chuyển của Bên Mua tại kho của Bên Bán.

2.3. Xác định và chấp nhận về chất lượng và khối lượng:

2.3.1. Xác định và chấp nhận về chất lượng:

a) Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu theo tiêu chuẩn hiện hành (TCVN 8910:2020). Hai bên tiến hành lấy mẫu đồng tại kho Bên Bán, mỗi đồng lấy một mẫu chung. Mẫu được chia thành 03 phần: 01 mẫu giao cho Bên Mua, 01 mẫu giao cho Bên Bán, 01 mẫu để lưu. Mẫu lưu phải được đại diện hai bên cùng niêm phong, giao cho Bên Bán giữ và bảo quản. Bên Mua phân tích mẫu và gửi kết quả phân tích cho Bên Bán trong vòng 01 ngày (24 giờ) sau khi lấy mẫu. Việc phân tích mẫu than được thực hiện theo các TCVN hiện hành.

Nếu chất lượng than đảm bảo như quy định tại khoản 1.3 thì hai bên tổ chức giao nhận than. Bên Mua cử cán bộ giám sát quá trình bốc hàng lên xe tại kho Bên Bán từ khi bắt đầu giao nhận đến khi kết thúc giao nhận lô hàng.

Trong quá trình giao nhận, nếu phát hiện bất thường về chất lượng than, đại diện Bên Mua phải thông báo ngay cho Bên Bán để xử lý. Trong trường hợp này, hai bên tạm dừng việc giao nhận cho đến khi thống nhất giải quyết về chất lượng than.

b) Trường hợp kết quả phân tích của các bên có sai lệch mà hai bên không thoả thuận được, thì xử lý theo một trong hai cách sau:

- Mẫu lưu (còn nguyên niêm phong) được đại diện hai bên cùng phân tích lại tại phòng thí nghiệm của Bên Bán. Kết quả phân tích này là cơ sở để xác định chất lượng lô hàng.

- Hai bên tiến hành lấy mẫu lại trên đồng và cùng phối hợp phân tích chất lượng than tại phòng thí nghiệm của Bên Bán.

- Mọi chi phí phát sinh do bên sai chịu.

2.3.2- Xác định và chấp nhận về khối lượng:

a) Khối lượng than được xác định qua cân tại kho Bên Bán.

b) Độ ẩm:

- + Độ ẩm giao hàng: Theo độ ẩm thực tế. Mẫu độ ẩm được hai bên lấy mẫu và phân tích hàng ngày.

- + Độ ẩm để tính khối lượng than thanh toán là độ ẩm trung bình theo TCVN hiện hành.

- + Khối lượng than thanh toán được xác định theo công thức:

$$G_q = G_t \times \frac{100 - W^{tp}_t}{100 - W^{tp}_0}$$

Trong đó:

G_q : Khối lượng than thanh toán tương ứng độ ẩm trung bình của than.

G_t : Khối lượng thực tế giao hàng qua cân tại kho Bên Bán và tương ứng độ ẩm thực tế.

W^{tp}_t : Độ ẩm thực tế của than theo phân tích của Bên Mua và được Bên Bán thống nhất.

W^{tp}_0 : Là độ ẩm trung bình của than theo TCVN 8910:2020

2.4- Biên bản giao nhận than:

- Hàng ngày, hai bên tập hợp khối lượng, chủng loại than giao nhận của ngày trước đó bằng một biên bản kèm bảng kê chi tiết làm cơ sở xác định khoản tiền thanh toán.

- Biên bản giao nhận than được lập trước 09:00 hàng ngày cho khối lượng than giao nhận trong ngày trước đó.

Điều 3. Tiến độ giao hàng

3.1- Khối lượng than theo hợp đồng sẽ được Bên Bán giao bình quân cho Bên Mua trong thời gian hợp đồng, trừ khi có thoả thuận khác.

3.2- Trước ngày 20 hàng tháng, Bên Mua gửi cho Bên Bán đăng ký nhận than của tháng sau về khối lượng, chủng loại. Căn cứ đề nghị của Bên Mua, Bên Bán sẽ cân đối và thông báo bằng văn bản cho Bên Mua về kế hoạch giao hàng trước ngày 05 của tháng thực hiện.

3.3- Nếu Bên Mua không gửi đăng ký nhu cầu than thì Bên Mua được coi là không có yêu cầu nhận than tháng kế tiếp.

3.4- Lịch giao hàng cụ thể do Bên Mua và đơn vị giao hàng (do Bên Bán uỷ quyền theo mục 6.1 dưới đây) thống nhất hàng tháng.

Điều 4. Phương tiện vận chuyển than.

Than được vận chuyển bằng ô tô do Bên Mua thu xếp đến nhận than tại kho mỏ của Bên Bán.

Phương tiện đến nhận than phải có giấy giới thiệu, có đầy đủ hồ sơ, giấy tờ theo quy định hiện hành và đủ các điều kiện để giao nhận hàng, chấp hành nghiêm chỉnh nội quy của Bên Bán tại các địa điểm giao nhận trong suốt thời gian kể từ khi phương tiện đến địa điểm giao nhận chờ làm hàng đến khi làm hàng xong.

Điều 5. Đơn giá, thanh toán.

5.1- Giá than giao trên phương tiện của Bên Mua tại kho của Bên Bán thực hiện theo bảng giá bán than trong nước do TKV công bố từng thời điểm.

- Giá than thanh toán được điều chỉnh theo nhiệt trị thực nhận so với nhiệt trị trung bình tham chiếu theo công thức sau:

Giá FOB thanh toán (theo nhiệt trị thực nhận) = [(Giá than/Nhiệt trị trung bình)*Nhiệt trị thực nhận]

- Giá than (chưa bao gồm thuế GTGT) tại thời điểm ký hợp đồng thực hiện theo quyết định số 2356/QĐ-TKV ngày 06/12/2024, cụ thể

+ Than cám 5a.6: 2.059.000 đồng/tấn.

- Các bên thống nhất đồng ý rằng, giá bán than quy định tại Điều này có thể được thay đổi theo quyết định của Bên Bán phù hợp với quy định hiện hành. Trong trường hợp Bên Bán thay đổi giá bán than trong quá trình thực hiện Hợp đồng, giá than mua bán theo Hợp đồng này sẽ được áp dụng theo giá mới theo quyết định thay đổi giá bán bởi Bên Bán. Mọi quyết định thay đổi giá bán than của Bên Bán là một phần không tách rời của Hợp đồng này.

- Đối với các cơ chế khuyến khích tiêu thụ của Bên Bán tại từng thời điểm (nếu có), Bên Bán sẽ gửi cho Bên Mua thông báo bằng văn bản để phối hợp triển khai thực hiện mà không cần phải lập Phụ lục hợp đồng.

5.2- Thủ tục thanh toán:

Không muộn hơn 01 ngày làm việc kể từ khi kết thúc việc giao nhận lô hàng tại kho mỏ, Bên Bán gửi cho Bên Mua bộ chứng từ thanh toán, bao gồm:

Bộ chứng từ thanh toán gồm:

- + Hóa đơn giá trị gia tăng (được cấp cho từng xe ô tô).
- + Giấy chứng nhận giám định chất lượng (cấp theo lô hàng).
- + Biên bản giao nhận than giữa đại diện hai bên kèm bảng kê chi tiết.

5.3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Bên Bán được ghi trong hợp đồng này hoặc ngân hàng do hai bên thỏa thuận.

5.4. Phương thức, thời hạn thanh toán: Trả tiền trước khi xếp hàng.

Bên Mua thực hiện thanh toán theo phương thức trả trước tiền mua than, cụ thể:

+ Bên Mua chuyển trước vào tài khoản Bên Bán số tiền mua than tương ứng khối lượng của từng đợt giao hàng trong tháng, đảm bảo tiền về tài khoản của Bên Bán trước khi hàng được xếp lên phương tiện.

+ Bên Bán chỉ giao than cho Bên Mua với khối lượng than có tổng trị giá không vượt quá số tiền Bên Mua đã chuyển trả trước cho Bên Bán.

+ Sau khi xếp hàng lên phương tiện, nếu khối lượng thanh toán (khối lượng giao nhận được quy đổi theo độ ẩm trung bình của than theo TCVN) lớn hơn khối lượng thực tế giao nhận, làm trị giá lô hàng lớn hơn số tiền Bên Mua đã chuyển trả trước, trong vòng 07 ngày lịch kể từ ngày ký Biên bản giao nhận than, Bên Mua có trách nhiệm chuyển bổ sung cho Bên Bán số tiền tương ứng với khối lượng than tăng thêm (do quy đổi độ ẩm).

+ Nếu quá thời hạn nêu trên, Bên Mua vẫn chưa trả cho Bên Bán số tiền tương ứng với khối lượng than tăng thêm do quy đổi độ ẩm, Bên Mua phải trả cho Bên Bán tiền lãi trả chậm bằng 1,5 lần lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank - Chi nhánh Hoàn Kiếm) công bố từng thời điểm đối với số tiền và thời gian thanh toán chậm.

+ Trường hợp Bên Mua không đảm bảo thanh toán tiền trước khi giao hàng theo như quy định của hợp đồng này, Bên Bán có quyền ngừng cấp than.

+ Bên Bán chỉ tiếp tục giao hàng cho Bên Mua sau khi đã nhận đủ số tiền còn thiếu, tiền lãi chậm trả (nếu có) và khoản tiền trả trước cho lô hàng tiếp theo.

+ Trước ngày 10 hàng tháng, hai bên tiến hành đối chiếu khối lượng và công nợ phát sinh trong tháng trước đó và xác định số tiền và thời gian thanh toán chậm (nếu có) để làm căn cứ tính tiền lãi chậm trả.

Điều 6. Trách nhiệm của các bên

6.1- Bên Bán:

+ Đảm bảo đủ nguồn hàng để giao than cho Bên Mua đúng khối lượng, chất lượng và tiến độ đã thỏa thuận.

+ Tạo điều kiện cho phương tiện của Bên Mua vào kho, bãi nhận hàng thuận lợi.

+ Giao công ty Kho vận và cảng Cẩm Phả-Vinacomin (mã số thuế: 5700100256001) thay mặt Bên Bán tổ chức thực hiện giao than và cấp hoá đơn giá trị gia tăng cho Bên Mua, đối chiếu khối lượng hàng hóa, công nợ và phối hợp với Bên Mua để giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.

+ Thuê và chịu trách nhiệm thanh toán phí cho Công ty cổ phần giám định-Vinacomin (Quacontrol) phối hợp cùng giám định Bên Mua giám định khối lượng, lấy mẫu than, phân tích và cấp chứng thư giám định khối lượng, chất lượng tại cảng xếp hàng; phối hợp với giám định Bên Mua giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến việc giám định khối lượng, chất lượng than tại cảng xếp hàng.

6.2- Bên Mua:

+ Bố trí đủ xe nhận than theo lịch và tiến độ thỏa thuận hàng tháng. Xe vào bãi nhận hàng phải tuân thủ đúng các qui định của Bên Bán.

+ Kiểm soát, quản lý an toàn hàng hoá trên đường vận chuyển từ kho bên bán về nơi sử dụng.

+ Thanh toán tiền trước khi giao hàng cho Bên Bán đúng theo quy định của hợp đồng.

+ Chỉ sử dụng khối lượng than mua theo hợp đồng này để sản xuất clinker của đơn vị mình, không bán cho đơn vị khác.

Điều 7. Bất khả kháng

7.1. Sự kiện bất khả kháng là bất kỳ sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống nào xảy một cách khách quan sau khi ký Hợp đồng này, không thể khắc phục được, nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các Bên, làm Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được một phần hay toàn bộ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

7.2. Sự kiện bất khả kháng bao gồm các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống hoặc tương tự các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống như liệt kê dưới đây và thỏa mãn các quy định tại mục 7.1 của Điều này:

(a) Bão, gió lốc, lũ lụt, hạn hán, động đất, sóng thần, thời tiết khắc nghiệt bất thường hoặc bất kỳ một thiên tai nào khác;

(b) Cháy, nổ, dịch bệnh phải cách ly theo quy định của các cơ quan chức năng;

(c) Chiến tranh (tuyên bố hoặc không tuyên bố), xâm lược, xung đột vũ trang, hoặc các hành động thù địch của nước ngoài;

(d) Hành động khủng bố, phong tỏa, cấm vận, bạo loạn, nổi loạn, phá hoại;

(e) Bãi công, đình công, tấn công, phong tỏa mỏ than, nhà máy;

(f) Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

7.3. Khi xảy ra sự kiện Bất khả kháng Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên kia trong thời gian sớm nhất về sự kiện đó. Trong vòng 05 (năm) ngày

kể từ khi bắt đầu xảy ra sự kiện, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia đầy đủ, chi tiết về việc xảy ra sự kiện đó cũng như tác động của nó đối với Bên bị ảnh hưởng trong việc thực hiện Hợp đồng và kiến nghị các biện pháp khắc phục. Văn bản thông báo phải được gửi kèm với văn bản của một cơ quan có thẩm quyền tại nơi xảy ra Bất khả kháng xác nhận đã xảy ra sự kiện đó.

Trong vòng 02 (hai) ngày sau khi sự kiện Bất khả kháng chấm dứt, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản về việc chấm dứt sự kiện đó. Trong vòng 07 (bảy) ngày tiếp theo Bên bị ảnh hưởng phải chuyển cho Bên kia văn bản xác nhận về sự kiện Bất khả kháng được cấp bởi một cơ quan có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện. Văn bản xác nhận Bất khả kháng phải mô tả sự kiện, địa điểm phát sinh, thời gian phát sinh và tồn tại, hậu quả và tác động ảnh hưởng của sự kiện này đối với việc thực hiện hợp đồng v.v.

Nếu Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng không thực hiện đầy đủ việc thông báo và cung cấp tài liệu về sự kiện đó theo quy định tại Khoản này thì mất quyền được miễn trách nhiệm như quy định tại khoản 7.5 dưới đây.

7.4. Trong thời gian diễn ra sự kiện Bất khả kháng Bên bị ảnh hưởng sẽ cung cấp các báo cáo thường xuyên cho Bên kia về việc triển khai các biện pháp khắc phục nhằm ngăn chặn hoặc giảm nhẹ những tác động của của sự kiện Bất khả kháng và các thông tin khác mà Bên kia yêu cầu một cách hợp lý. Các Bên vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng.

7.5. Ngoại trừ nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã được thực hiện trước thời điểm xảy ra Bất khả kháng và/hoặc các khoản tiền khác (nếu có), Bên vi phạm các nghĩa vụ theo Hợp đồng này do sự kiện Bất khả kháng sẽ được miễn trách nhiệm.

7.6. Nếu một Bên do sự kiện Bất khả kháng mà không thể thực hiện nghĩa vụ của mình quy định trong Hợp đồng này trong thời hạn 60 ngày liên tục kể từ ngày xảy ra sự kiện Bất khả kháng thì một trong các Bên có quyền gửi văn bản cho Bên kia trước ít nhất 15 (mười lăm) ngày để thông báo việc đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hợp đồng được coi là chấm dứt vào ngày ghi trong văn bản thông báo.

Sau khi gửi văn bản thông báo chấm dứt Hợp đồng, các Bên phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ còn tồn đọng cho đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng này, trừ các nghĩa vụ được miễn trách. Để tránh hiểu nhầm, trong mọi hoàn cảnh không Bên nào được giải phóng khỏi nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu tại khoản 7.5 của Điều này dù Hợp đồng đã chấm dứt hay chưa.

Điều 8: Giải quyết tranh chấp

8.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vướng mắc phát sinh, hai bên sẽ cùng hợp tác tìm mọi biện pháp giải quyết, trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên.

8.2. Trường hợp hai bên đã nỗ lực cao nhất mà không thể tự giải quyết được, thì tranh chấp được đưa ra Tòa án có thẩm quyền để xét xử. Quyết định của Tòa án là phán quyết cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí phát sinh do bên thua kiện chịu.

Điều 9. Điều khoản thi hành

9.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thoả thuận.

9.2. Trong quá trình thực hiện, nếu xảy ra vướng mắc, hai bên sẽ cùng hợp tác tìm biện pháp giải quyết trên cơ sở tôn trọng quyền lợi của các bên và tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định của TKV.

9.3. Hợp đồng sẽ tự động được thanh lý mà không cần lập văn bản sau 30 (ba mươi) ngày kể từ khi hai bên thực hiện xong nghĩa vụ của mình.

9.4. Hợp đồng này có hiệu lực thực hiện từ 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025 và được lập thành 10 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 05 bản./.

**ĐẠI DIỆN BÊN MUA
GIÁM ĐỐC**

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

Trần Quang Khải

Nguyễn Huy Nam



TỜ TRÌNH

**Về việc lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập
kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2025**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI ban hành theo quyết định số 16/QĐ-HĐQT ngày 26/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29 tháng 3 năm 2011;

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát;

Ban kiểm soát Công ty xin báo cáo trước Đại hội về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2025 như sau:

1. Đề xuất danh sách công ty kiểm toán:

Để đảm bảo lựa chọn được Công ty kiểm toán độc lập có uy tín, chất lượng, giá cả cạnh tranh thực hiện kiểm toán/soát xét BCTC của Công ty. Ban kiểm soát xin đề xuất danh sách Công ty kiểm toán như sau:

- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.
- Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam.
- Công ty TNHH Kiểm toán BDO.
- Công ty TNHH dịch vụ kiểm toán và Tư vấn UHY.
- Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC.

Lý do lựa chọn:

- Là những công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán báo cáo tài chính các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2025.

- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với công ty đại chúng quy mô lớn tại Việt Nam;

- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;

- Đội ngũ kiểm toán có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;

- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi, tiến độ kiểm toán.

2. Đề xuất về việc lựa chọn công ty kiểm toán:

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện lựa chọn công ty kiểm toán theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS; BGD;
- Lưu HSĐH, TK.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phạm Trung Hợp